

LỜI MỞ ĐẦU

Kinh tế thị trường luôn gắn liền với cạnh tranh. Muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết cách chiến thắng các đối thủ cạnh tranh của mình. Để đạt được mục tiêu ấy, mỗi doanh nghiệp có các hướng đi khác nhau, những giải pháp khác nhau và sử dụng công cụ khác nhau. Thực tế cho thấy, để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường ngoài việc nâng cao chất lượng, đa dạng hoá mẫu mã sản phẩm, phương thức phục vụ khách hàng..., thì điều đặc biệt quan trọng là phải tìm cách tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh về giá bán. Để đạt mục đích này, các nhà quản trị doanh nghiệp đặc biệt coi trọng việc sử dụng công cụ kế toán, nhất là kế toán nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp sản xuất, vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở để hình thành sản phẩm mới. Do đó muốn tối đa hoá lợi nhuận bên cạnh việc sử dụng đúng loại nguyên vật liệu, đảm bảo chất lượng. Doanh nghiệp phải biết sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu. Hơn nữa, vật liệu còn là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho do đó việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu đúng, đủ và kịp thời cho sản xuất đồng thời kiểm tra, giám sát được việc chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu dự trữ, ngăn chặn việc sử dụng lãng phí vật liệu. Như vậy, có thể nói việc quản lý nguyên vật liệu là cần thiết từ đây đòi hỏi công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu phải được thực hiện tốt, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, hạ thấp chi phí trong giá thành.

Xuất phát từ những lý do trên, đồng thời qua thời gian thực tập tại công ty đóng tàu Phà Rừng em đã đi sâu tìm hiểu thực tế và nhận thấy tầm quan trọng của nguyên vật liệu và công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty, với những kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập tại nhà trường, sự giúp đỡ nhiệt tình của cô chú anh chị trong phòng Tài chính - Kế toán, đặc biệt với sự hướng dẫn tận tình của cô Phạm Thị Nga em đã đi sâu tìm hiểu nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng”

Về mặt kết cấu, ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung của luận văn được chia thành 3 chương:

Chương I : Lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương II : Tình hình thực tế về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng.

Chương III : Phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng.

Do trình độ và thời gian thực tập có hạn, công tác quản lý hạch toán nguyên vật liệu rất phức tạp nên bản luận văn mới chỉ đi vào tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu và chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em kính mong được sự đóng góp ý kiến của thầy cô giáo để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1 :

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1 Khái niệm nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia trực tiếp và thường xuyên vào quá trình sản xuất sản phẩm và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm đầu ra. Nguyên vật liệu tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định, và khi tham gia vào quá trình sản xuất dưới tác động của sức lao động và máy móc thiết bị, chúng bị tiêu hao hoàn toàn hoặc bị thay đổi hình thái ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm. Do vậy nguyên vật liệu được coi là yếu tố hàng đầu không thể thiếu của bất kỳ quá trình hình thành sản phẩm mới trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu

Về mặt giá trị, khi tham gia vào quá trình sản xuất, nguyên vật liệu chuyển một lần toàn bộ giá trị của nó vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do vậy nguyên vật liệu thuộc loại tài sản lưu động, vật liệu thường chiếm một tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp, nên việc quản lý quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản dự trữ và sử dụng vật liệu trực tiếp ảnh hưởng đến các chỉ tiêu như : sản lượng, chất lượng sản phẩm, giá thành, lợi nhuận,...

Vì nguyên vật liệu là đối tượng lao động nên có những đặc điểm là tham gia vào một chu kỳ sản xuất, thay đổi hình dáng ban đầu sau quá trình sử dụng và chuyển toàn bộ giá trị vào giá trị của sản phẩm được sản xuất ra

1.1.3 Vai trò, vị trí của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Trong doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp đồng thời là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất sản phẩm. Nguyên vật liệu có đặc điểm là bị tiêu hao toàn

bộ và chuyển một lần giá trị vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, do vậy việc cung cấp nguyên vật liệu đầy đủ, kịp thời cả về số lượng và chất lượng thì việc sản xuất mới trôi chảy không bị gián đoạn, sản phẩm sản xuất ra mới được hoàn thành đúng tiến độ kế hoạch và bảo đảm chất lượng tốt nhất

Vấn đề được các doanh nghiệp sản xuất quan tâm hàng đầu đó là nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản xuất. Chi phí nguyên vật liệu có ảnh hưởng không nhỏ tới sự biến động của giá thành. Một biến động nhỏ về chi phí nguyên vật liệu cũng kéo theo biến động về giá thành của sản phẩm, ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

1.2.1 Phân loại nguyên vật liệu

Phân loại vật liệu là việc nghiên cứu, sắp xếp các vật liệu theo công dụng, nội dung, chủng loại, tính chất, thương phẩm của chúng nhằm phục vụ cho yêu cầu quản lý doanh nghiệp một cách chặt chẽ và chi tiết

Tùy thuộc vào các loại hình doanh nghiệp sản xuất cụ thể thuộc từng ngành sản xuất, tùy thuộc vào nội dung kinh tế, chức năng của vật liệu mà có nhiều cách phân loại khác nhau

1.2.1.1 Phân loại theo nội dung kinh tế

Theo nội dung kinh tế, nguyên vật liệu được chia ra thành các loại như sau

- *Nguyên vật liệu chính* : Là những loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Ví dụ : sắt thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, xây dựng cơ bản....; vải trong các doanh nghiệp may mặc; bông trong các doanh nghiệp sản xuất sợi, vải. Nguyên vật liệu chính còn bao gồm nửa thành sản phẩm mua ngoài để tiếp tục sản xuất chế tạo sản phẩm. ví dụ xi măng trong các doanh nghiệp xây dựng

- *Vật liệu phụ* : Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể chính của sản phẩm mà có thể kết hợp với vật liệu chính để hoàn thiện và nâng cao tính năng chất lượng của sản phẩm, để phục vụ cho quá trình lao động, hoặc được sử dụng cho yêu cầu kỹ thuật, công nghệ....

- *Nhiên liệu* : Là loại có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí

- *Phụ tùng thay thế* : Là những vật liệu dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ sản xuất

- *Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản* : Là những loại vật liệu, thiết bị sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản, tái tạo tài sản cố định....

- *Vật liệu khác* : Là các loại vật liệu đặc chủng của từng doanh nghiệp hoặc phế liệu thu hồi

1.2.1.2 Phân loại theo nguồn nhập

Căn cứ vào nguồn nhập, nguyên vật liệu được chia thành :

- Nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh
- Nguyên vật liệu mua ngoài : Từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu
- Nguyên vật liệu tự gia công sản xuất

1.2.1.3 Phân loại theo mục đích công dụng

Căn cứ vào mục đích công dụng, nguyên vật liệu được chia thành :

- Nguyên vật liệu dùng để trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm
- Nguyên vật liệu dùng cho các nhu cầu khác : Phục vụ quản lý ở các phân xưởng, tổ, đội sản xuất, cho quản lý doanh nghiệp, bán hàng

1.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là thước đo biểu hiện giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất

1.2.2.1 Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu

- Nguyên tắc giá phí (giá vốn) : Đây là nguyên tắc cơ bản nhất của kế toán. Nguyên tắc này đòi hỏi tất cả các nguyên vật liệu phải được ghi chép, phản ánh theo giá vốn, tức số tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được số nguyên vật liệu đó

- Nguyên tắc thận trọng : Đây là nguyên tắc đề cập đến việc lựa chọn các phương pháp sao cho ít ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu. Với những nguyên vật liệu có xu hướng giảm giá, mất giá hoặc không bán được cần phải dự tính phần thiệt hại để thực hiện việc thiết lập dự phòng vào chi phí, hoặc cố gắng tính hết các

khoản chi phí có thể tính được cho số nguyên vật liệu chưa đem ra sử dụng có thể chịu phần chi phí ít nhất

- Nguyên tắc nhất quán : Nguyên tắc này đòi hỏi kế toán phải quản lý giúp cho doanh nghiệp biết chính xác số lượng và giá trị tồn kho của doanh nghiệp tại các thời điểm nhằm xây dựng các kế hoạch sản xuất phù hợp tránh sự biến động của giá vốn và lượng nguyên vật liệu tồn kho đột xuất

1.2.2.2 Cách xác định giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho

* Đối với nguyên vật liệu mua ngoài : Giá thực tế nhập kho là trị giá vốn thực tế nhập kho

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế nguyên} \\ \text{vật liệu nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua vật} \\ \text{liệu (theo hoá} \\ \text{đơn)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế nhập} \\ \text{khẩu (nếu có)} \end{array}$$

- Chi phí thu mua thực tế gồm : Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, chi phí thuê kho, thuê bãi, tiền phạt, tiền bồi thường...

- Đối với các đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua thực tế là giá không có thuế GTGT đầu vào

- Đối với các đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và là cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế thì giá mua thực tế là giá mua đã có thuế GTGT

- Đối với nguyên vật liệu mua vào sử dụng đồng thời cho cả hai hoạt động chịu thuế GTGT thì về nguyên tắc phải hạch toán riêng và chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với phần nguyên vật liệu chịu thuế GTGT đầu ra

* Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công chế biến : Giá thực tế của nguyên vật liệu là giá của vật liệu xuất gia công, chế biến cộng với các chi phí gia công chế biến. Chi phí chế biến gồm: chi phí nhân công, chi phí khấu hao máy móc thiết bị và các khoản chi phí khác

* Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến :

$$\begin{array}{l} \text{Giá vốn thực tế của nguyên} \\ \text{vật liệu} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị nguyên vật} \\ \text{liệu xuất gia công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thuê ngoài} \\ \text{gia công} \end{array}$$

- Chi phí thuê ngoài gia công bao gồm : Tiền thuê gia công phải trả, chi phí vận chuyển đến cơ sở gia công và ngược lại

* Đối với vật liệu nhận góp vốn liên doanh cổ phần : Giá thực tế là giá trị vật liệu được các bên tham gia góp vốn thừa nhận

* Đối với vật liệu do Nhà nước cấp hoặc được tặng : Trị giá thực tế được tính là giá trị của vật liệu đó ghi trên biên bản bàn giao hoặc ghi theo giá trị vật liệu tặng thưởng tương đương với giá thị trường

* Đối với phế liệu thu hồi : Được đánh giá theo giá ước tính hoặc giá thực tế (có thể bán được)

* Nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng

1.2.2.3 Cách xác định giá thực tế vật liệu xuất kho

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp được thu mua nhập kho thường xuyên từ nhiều nguồn gốc khác nhau. Do vậy, giá thực tế của từng lần, từng đợt nhập kho cũng không hoàn toàn giống nhau. Vì thế khi xuất kho kế toán phải tính toán, xác định được giá thực tế xuất kho cho các đối tượng sử dụng theo phương pháp tính giá thực tế xuất kho đã đăng ký áp dụng trong cả niên độ kế toán

Để tính trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau :

**** Phương pháp tính theo giá đích danh***

- Phương pháp này được áp dụng đối với các loại vật liệu có giá trị cao và các loại vật tư đặc trưng. Phương pháp này được sử dụng trong các doanh nghiệp có ít loại lạt hàng hoặc mặt hàng ổn định có thể nhận diện được. Giá thực tế của vật liệu xuất kho được căn cứ vào đơn giá thực tế vật liệu nhập kho theo từng lô, từng lần nhập và số lượng xuất kho theo từng lần

- *Ưu nhược điểm* : Tạo thuận lợi cho trong việc tính toán giá thành vật liệu được chính xác, phản ánh được mối quan hệ cân đối giữa hiện vật và giá trị. Tuy nhiên phải theo dõi chi tiết giá vật liệu nhập kho theo từng lần nhập và giá vật liệu xuất kho sẽ không sát với giá thực tế của thị trường tại thời điểm đó

*** Phương pháp tính giá bình quân gia quyền**

- Theo phương pháp bình quân gia quyền, căn cứ vào giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định giá bình quân của một đơn vị vật liệu. Căn cứ vào lượng vật liệu xuất trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định được giá thực tế của vật liệu xuất trong kỳ

- Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá thực tế hàng} & & \text{Số lượng thực tế} & & \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{xuất kho} & = & \text{hàng xuất} & \times & \text{bình quân} \end{array}$$

Đơn giá thực tế bình quân được tính theo 2 cách :

- **Cách 1** : Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ

$$\begin{array}{rcc} \text{Đơn giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ} \\ \text{bình quân} & = & \text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ} \end{array}$$

Ưu nhược điểm : Tính theo cách này sẽ cho kết quả chính xác nhưng đòi hỏi doanh nghiệp phải hạch toán được chặt chẽ về mặt số lượng của từng loại vật liệu, công việc tính toán phức tạp đòi hỏi trình độ cao

Phạm vi áp dụng : Áp dụng trong những doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu

- **Cách 2** : Giá đơn vị bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

Theo cách này, sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định giá bình quân của từng danh điểm nguyên vật liệu. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng nguyên vật liệu xuất kho giữa hai lần nhập, kế toán xác định giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho

Giá đơn vị bình quân = $\frac{\text{Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}$

Ưu nhược điểm : Cách này cho phép kế toán tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời nhưng khối lượng công việc tính toán nhiều do phải tiến hành tính giá cho từng danh điểm hàng hoá

Phạm vi áp dụng : Áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại nguyên vật liệu và số lần nhập - xuất không nhiều

*** Phương pháp nhập trước - xuất trước :**

- Theo phương pháp này vật liệu nhập trước được xuất dùng hết mới xuất dùng đến lần nhập sau. Do đó, giá vật liệu xuất dùng được tính hết theo giá nhập kho lần trước, xong mới tính theo giá nhập kho lần sau. Như vậy, giá thực tế vật liệu tồn cuối kỳ chính là giá thực tế vật liệu nhập kho thuộc các lần mua vào sau cùng

- *Ưu nhược điểm* : Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả thị trường ổn định. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ cao và giá trị vật liệu xuất dùng sẽ nhỏ đi nên giá thành sản phẩm giảm, lợi nhuận tăng trong kỳ. Trường hợp ngược lại, giá cả có xu hướng giảm thì chi phí vật liệu trong kỳ sẽ lớn. Do đó, lợi nhuận trong kỳ sẽ giảm và giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ lớn

*** Phương pháp nhập sau - xuất trước :**

- Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho

- *Ưu nhược điểm* : Phương pháp này giúp cho việc hạch toán giá thành sản phẩm phản ứng kịp thời với giá cả nguyên vật liệu ngoài thị trường. Tuy nhiên việc hạch toán nguyên vật liệu theo từng loại giá tồn rất nhiều công sức

- *Phạm vi áp dụng* : Được áp dụng trong những doanh nghiệp sử dụng ít loại nguyên vật liệu

Tuy có nhiều phương pháp tính giá vật liệu nhưng mỗi doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong những phương pháp đó. Vì mỗi phương pháp đều có ưu điểm và nhược điểm riêng nên áp dụng phương pháp nào cho phù hợp với đặc điểm, quy mô là vấn đề đặt ra cho mỗi doanh nghiệp

1.3 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.3.1 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu

Trong điều kiện nền kinh tế đang phát triển ngày một đa dạng, các loại hình doanh nghiệp cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp sản xuất muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi phải làm ăn có hiệu quả. Một trong những giải pháp tối ưu cho vấn đề này là doanh nghiệp phải chú ý tới công tác quản lý nguyên vật liệu sao cho đạt hiệu quả tốt nhất nhằm mục đích hao phí vật tư ít nhất mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất

1.3.1.1 Yêu cầu quản lý

Xuất phát từ vai trò đặc điểm của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu:

- Khâu thu mua : Phải quản lý về số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, chi phí mua. Đảm bảo thực hiện thu mua theo kế hoạch, đúng tiến độ thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Khâu bảo quản : Phải tổ chức tốt kho hàng, bền bỉ thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại vật liệu tránh hư hỏng, mất mát, hư hỏng

- Khâu sử dụng : Phải sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức, dự toán chi phí, phấn đấu hạ mức tiêu hao vật tư trong sản xuất tiến tới hạ thấp giá thành sản xuất kinh doanh có lãi

- Khâu dự trữ : Đảm bảo kết dự trữ cấu hợp lý, phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu cho từng loại vật tư đảm bảo quá trình sản xuất tiến hành được bình thường liên tục, đồng thời tránh ứ đọng vốn do dự trữ quá lớn

- Khâu giám sát : Giám sát, kiểm tra việc bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu, kiểm tra việc tuân thủ các qui định mức tiêu hao trong việc sử dụng vật liệu vào sản xuất

1.3.1.2 Nhiệm vụ của kế toán

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu nhập, xuất, tồn kho, trị giá vốn của từng loại nhằm cung cấp thông tin kịp thời chính xác phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp
- Tính giá vật liệu theo chế độ qui định và phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp
- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về mua vật tư, hàng hoá sử dụng vật tư cho sản xuất và kế hoạch bán hàng
- Thường xuyên phân tích tình hình cung cấp, dự trữ, sử dụng vật liệu, đối chiếu với các mức dự trữ để kịp thời xuất, nhập vật liệu thiếu hoặc thừa so với định mức xuất. Từ đó đề xuất với doanh nghiệp điều chỉnh kịp thời kế hoạch cung cấp đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra đều đặn và liên tục

1.3.2 Chứng từ sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo Quyết định 15/2006-QĐ/BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán về nguyên vật liệu gồm :

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá, sản phẩm (Mẫu 03- VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 04-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số 05-VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu số 06-VT)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu (Mẫu số 07-VT)
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTKL-3LL)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT-3LL)

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, trong các doanh nghiệp có thể sử dụng các chứng từ kế toán hướng dẫn và các chứng từ khác tùy thuộc tình hình đặc điểm của từng doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế, hình thức sở hữu khác nhau

Đối với các chứng từ kế toán thống nhất, bắt buộc phải được lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu, nội dung và phương pháp

1.3.3 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Hạch toán chi tiết vật liệu là việc theo dõi, ghi chép thường xuyên liên tục sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu sử dụng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp về số lượng (hiện vật) và giá trị

Trong thực tế công tác kế toán hiện nay ở nước ta nói chung và ở các doanh nghiệp công nghiệp nói riêng đang áp dụng một trong ba phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu sau : phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ số dư

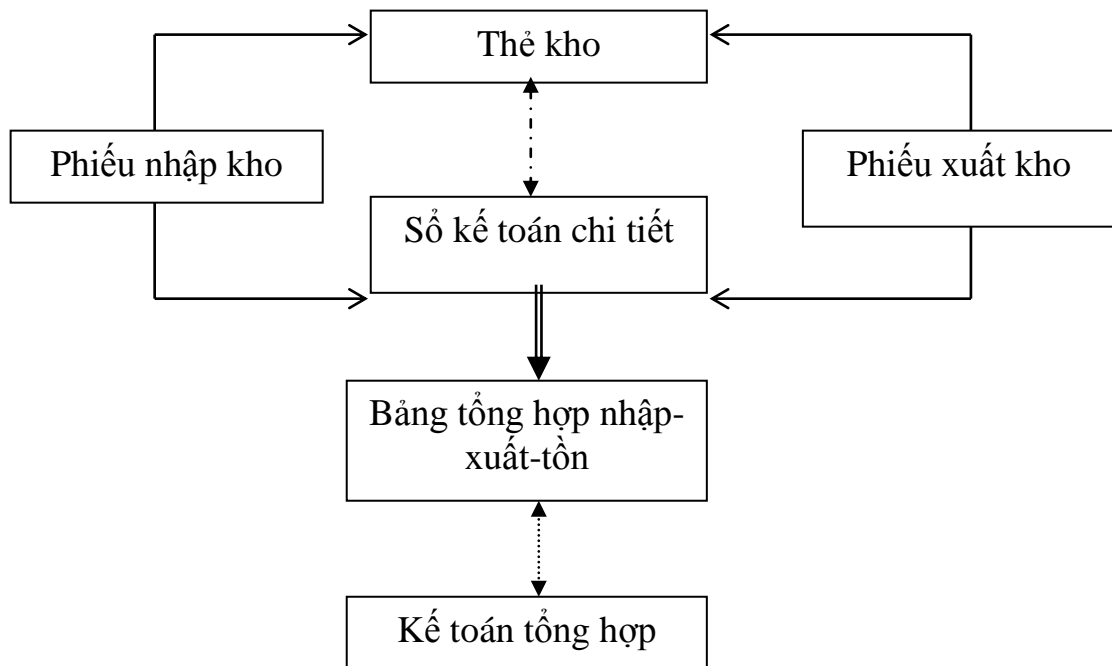
1.3.3.1 Phương pháp thẻ song song

- Tại kho: Việc ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho hàng ngày do thủ kho tiến hành trên thẻ kho và chỉ ghi về mặt số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập xuất vật liệu thủ kho phải tiến hành kiểm tra hợp lí , hợp pháp của chứng từ rồi ghi số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho. Định kì thủ kho chuyển (hoặc kế toán xuống kho nhận) các chứng từ nhập xuất được phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán.

- Tại phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Về bản số (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm các cột để ghi chép theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị.

Cuối tháng, kế toán cộng sổ chi tiết vật liệu và kiểm tra đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra , để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp, cần phải tổng hợp số liệu chi tiết từ các sổ chi tiết vào vào các bảng tổng hợp, có thể khái quát trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1 : Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu.

Nhược điểm: việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Ngoài ra, việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế chức năng kịp thời của kế toán.

Phạm vi áp dụng: thích hợp với các doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp (chứng từ) nhập xuất ít, không thường xuyên và nghiệp vụ của kế toán chuyên môn còn hạn chế.

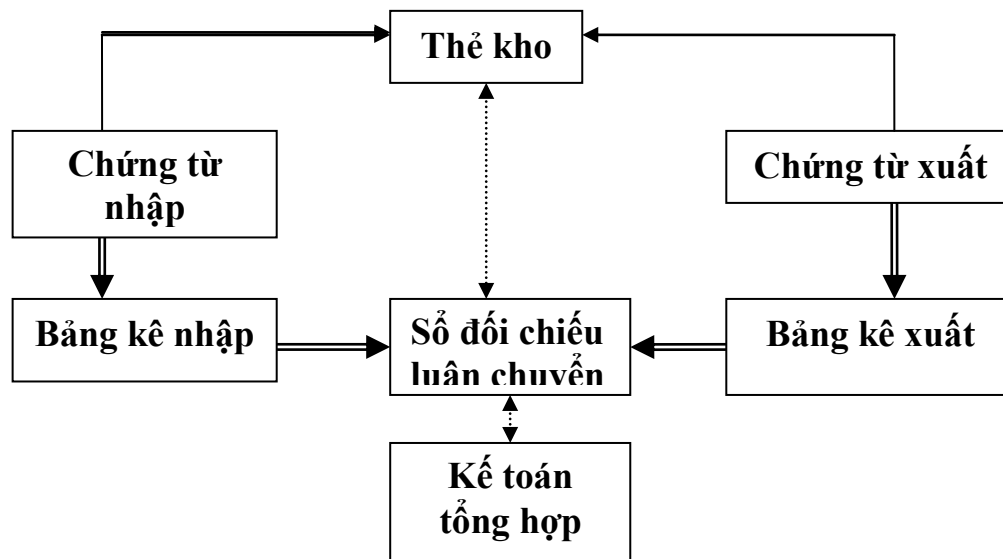
1.3.3.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Tại kho: việc ghi chép của thủ kho được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập- xuất- tồn kho của từng loại vật liệu, ở từng kho dùng cho cả năm, nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi sổ đối chiếu

luân chuyển kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất mà theo định kỳ thủ kho gửi lên. Số đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi cả về chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng tiến hành đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp số đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

-Ghi hàng ngày: \longrightarrow

-Đối chiếu: $\longleftarrow \cdots \longrightarrow$

-Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Ưu điểm: tránh được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép kế toán, công việc được tiến hành đều trong tháng.

Nhược điểm: do kế toán chỉ ghi vào cuối tháng lên muốn biết tình hình tăng giảm của từng loại vật liệu về mặt hiện vật hàng ngày thì phải xem số liệu trên thẻ kho. Hơn nữa, việc kiểm tra phát hiện sai sót giữa kho và phòng kế toán gặp khó khăn.

Phạm vi áp dụng: Thích hợp cho các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng công việc nghiệp vụ nhập, xuất (chứng từ nhập xuất) nhiều, thường xuyên nhiều chủng loại vật liệu và với điều kiện doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán để hạch toán nhập- xuất đã xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

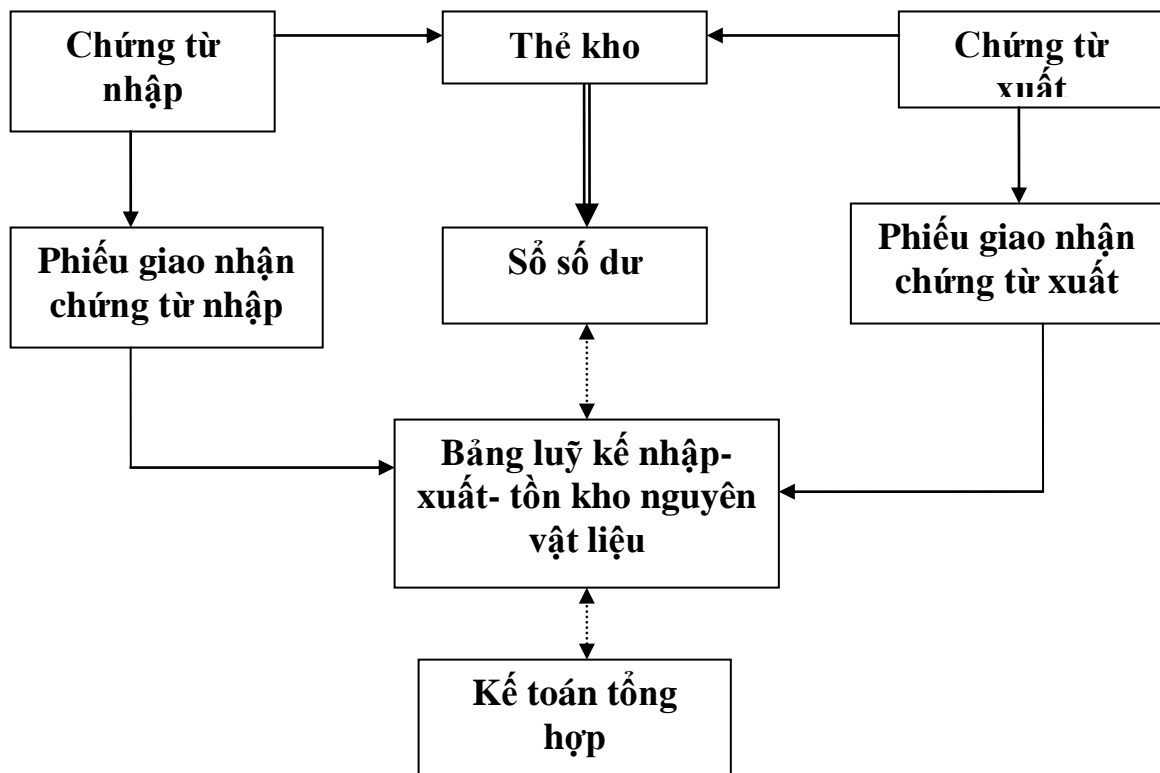
1.3.3.3 Phương pháp sổ số dư

- Tại kho: thủ kho dùng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập- xuất- tồn kho nhưng cuối tháng phải ghi sổ tồn kho đã tính trên thẻ kho sang sổ số dư vào cột lượng.

- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ theo dõi từng kho chung cho cả năm để ghi chép tình hình nhập xuất. Từ bảng kê nhập, bảng kê xuất kế toán lập bảng lũy kế nhập, lũy kế xuất rồi từ bảng lũy kế lập bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn kho theo từng nhóm, loại vật liệu theo chỉ tiêu giá trị.

- Cuối tháng ghi nhận sổ số dư do thủ kho gửi lên, kế toán căn cứ vào số tồn kho cuối tháng do thủ kho tính và ghi sổ số dư, đơn giá hạch toán tính ra giá trị tồn kho để ghi vào cột số tiền trên sổ số dư. Việc kiểm tra, đối chiếu căn cứ vào cột số tiền tồn kho trên sổ số dư và bảng kê tổng hợp nhập- xuất- tồn (cột số tiền) và số liệu kế toán tổng hợp.

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: →
- Đối chiếu: ↔
- Ghi cuối tháng: ==>

Ưu điểm: Tránh được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép, công việc được tiến hành đều trong tháng.

Nhược điểm: Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị nên muốn biết số hiện có và tình hình tăng giảm của từng loại vật liệu về mặt hiện vật thì phải xem số liệu trên thẻ kho. Việc đối chiếu giữa kho và phòng kế toán gặp khó khăn.

Phạm vi áp dụng: Thích hợp cho các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng công tác nghiệp vụ nhập, xuất (chứng từ nhập, xuất) nhiều, thường xuyên, nhiều chủng loại và với điều kiện doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán để hạch toán nhập-xuất đã xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu.

1.3.4 Kế toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.3.4.1 Kế toán tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

**** Nội dung phương pháp kê khai thường xuyên***

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Phương pháp kê khai thường xuyên dùng cho các tài khoản kế toán tồn kho nói chung và các tài khoản vật liệu nói riêng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm vật liệu của hàng hoá. Vì vậy, nguyên vật liệu tồn kho trên sổ kế toán được xác định bất cứ lúc nào trong kỳ kế toán

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế vật liệu tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu tồn kho trên sổ kế toán, nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời

Phương pháp kê khai thường xuyên thường được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị sản xuất kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn

**** Kế toán tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên***

- Tài khoản sử dụng

Để tổng hợp nguyên vật liệu kế toán sử dụng tài khoản chủ yếu là tài khoản 152 – nguyên vật liệu. Tài khoản này phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm

các loại nguyên vật liệu. Để kế toán chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu phù hợp với nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp thì có thể mở tài khoản 152 thành các tài khoản chi tiết

- Tài khoản 1521 : Vật liệu chính
- Tài khoản 1523 : Nhiên liệu là loại vật tư được sử dụng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất
- Tài khoản 1522 : Vật liệu phụ không cấu thành nên thực thể của sản phẩm nhưng có tác dụng làm tăng chất lượng sản phẩm và tạo điều kiện cho quá trình sản xuất được tiến hành bình thường
- Tài khoản 1524 : Phụ tùng thay thế là chi tiết phụ tùng của các loại máy móc thiết bị
- Tài khoản 1526 : Phế liệu thu hồi phản ánh giá trị các vật dụng thu hồi trong sản xuất
- Tài khoản 1528 : Vật liệu khác

Trong từng tài khoản cấp 2 lại có thể chi tiết thành các tài khoản cấp 3, cấp 4... tới từng nhóm, từng thứ vật liệu tùy thuộc vào yêu cầu quản lý nguyên vật liệu của doanh nghiệp. Ngoài các tài khoản trên kế toán tổng hợp vật liệu còn sử dụng các tài khoản sau :

- + Tài khoản 151 : Hàng mua đang đi đường
- + Tài khoản 331 : Phải trả cho người bán
- + Tài khoản 111, 112, 141, 611, 621....

- Kết cấu, nội dung tài khoản 152 – Nguyên liệu, vật liệu :

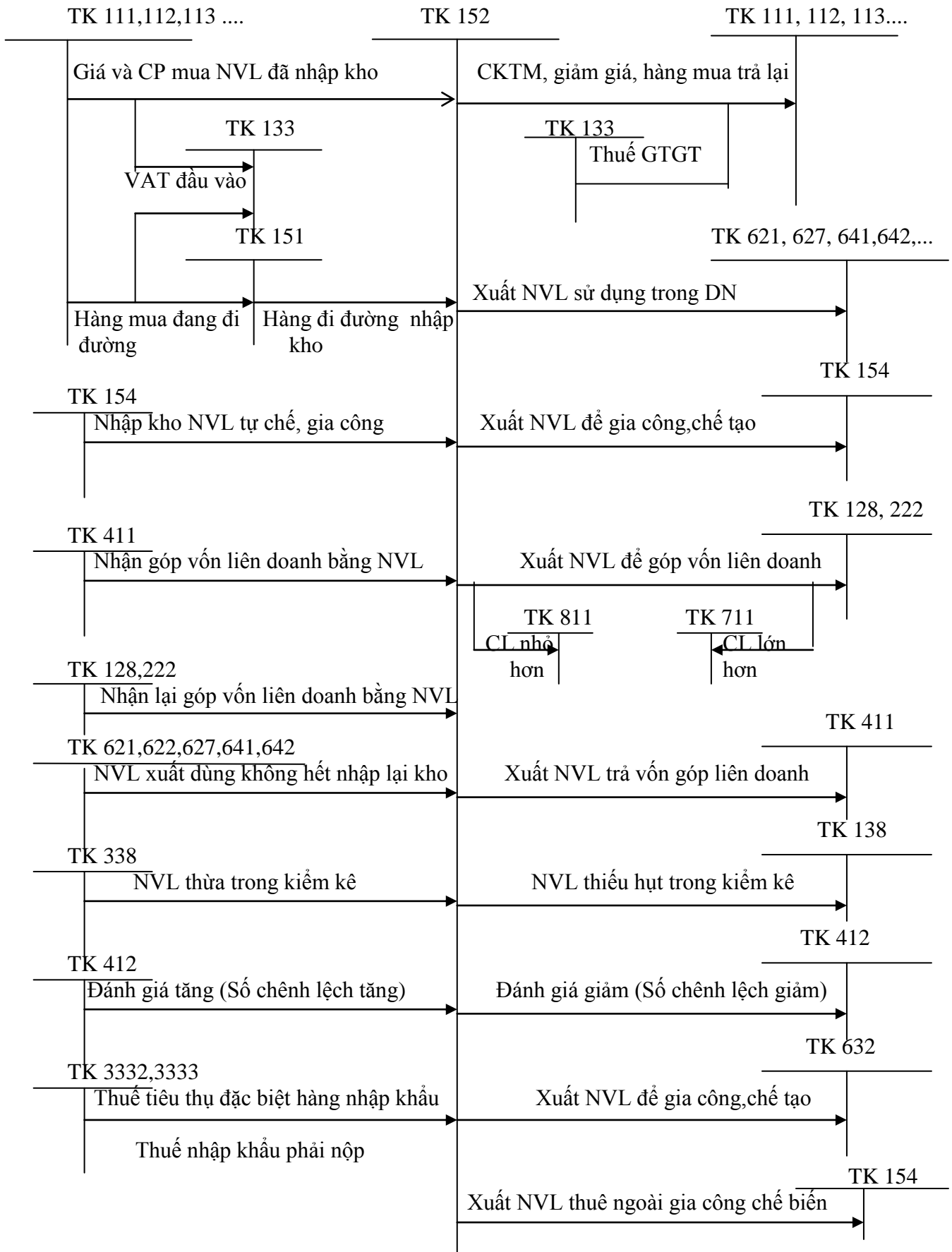
Tài khoản 152

Bên Nợ : Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm tăng nguyên vật liệu trong kỳ (mua ngoài, tự sản xuất, nhận góp vốn, phát hiện thừa, đánh giá tăng), phản ánh giá trị thực tế vật liệu nhập kho trong kỳ
Dư nợ : Giá thực tế của vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ

Bên Có : Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm giảm nguyên vật liệu trong kỳ (xuất dùng, xuất bán, xuất góp vốn liên doanh, thiếu hụt, giảm giá được hưởng); phản ánh giá trị thực tế vật liệu xuất kho trong kỳ

Tùy theo yêu cầu quản lý cụ thể của từng doanh nghiệp, các doanh nghiệp có thể mở các tài khoản chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu

Sơ đồ 1.4 : Kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.3.4.2 Kế toán tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

*** Nội dung phương pháp kiểm kê định kỳ**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình nhập - xuất hàng tồn kho trên các tài khoản kế toán mà chỉ theo dõi, phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và giá trị còn lại cuối kỳ căn cứ vào số liệu kiểm kê định kỳ hàng tồn kho. Việc xác định giá trị nguyên vật liệu xuất dùng trên các tài khoản kế toán tổng hợp không căn cứ vào các chứng từ nhập - xuất kho mà căn cứ vào giá trị tồn kho cuối kỳ, mua nhập trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính. Chính vì vậy, trên tài khoản tổng hợp (tài khoản 611) không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng cho từng đối tượng, cho các nhu cầu sản xuất khác nhau và không thể hiện được số mất mát, hư hỏng. Phương pháp kiểm kê định kỳ được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất có qui mô nhỏ, có nhiều chủng loại vật tư với quy cách, mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên..

*** Kế toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

- Tài khoản sử dụng

Doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, kế toán phải sử dụng TK611- Mua hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật tư, hàng hoá mua vào và xuất ra trong kỳ

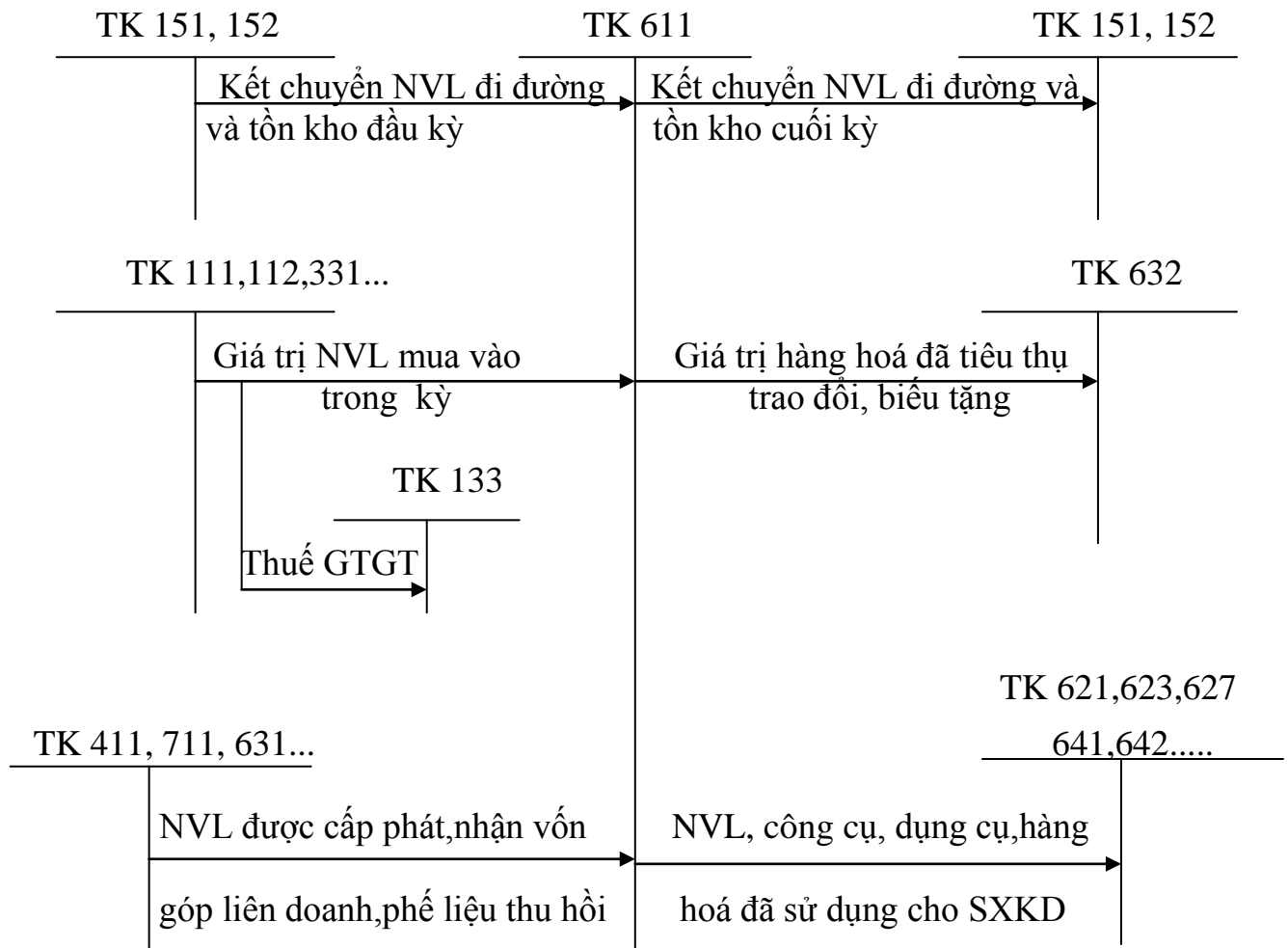
- Kết cấu, nội dung tài khoản 611 – Mua hàng

Tài khoản 611

Bên Nợ :	Bên Có :
- Kết chuyển giá thực tế của vật tư, hàng hoá tồn đầu kỳ	- Kết chuyển giá thực tế của vật tư, hàng hoá tồn kho cuối kỳ
- Giá thực tế của vật tư, hàng hoá nhập trong kỳ	- Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá
	- Giá thực tế của vật tư hàng hoá xuất trong kỳ

Bên cạnh đó, kế toán nguyên vật liệu còn sử dụng các TK 151, 131, 111, 331...

*** Sơ đồ 1.5 : Kế toán vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



1.3.5 Hệ thống sổ sách kế toán nguyên vật liệu

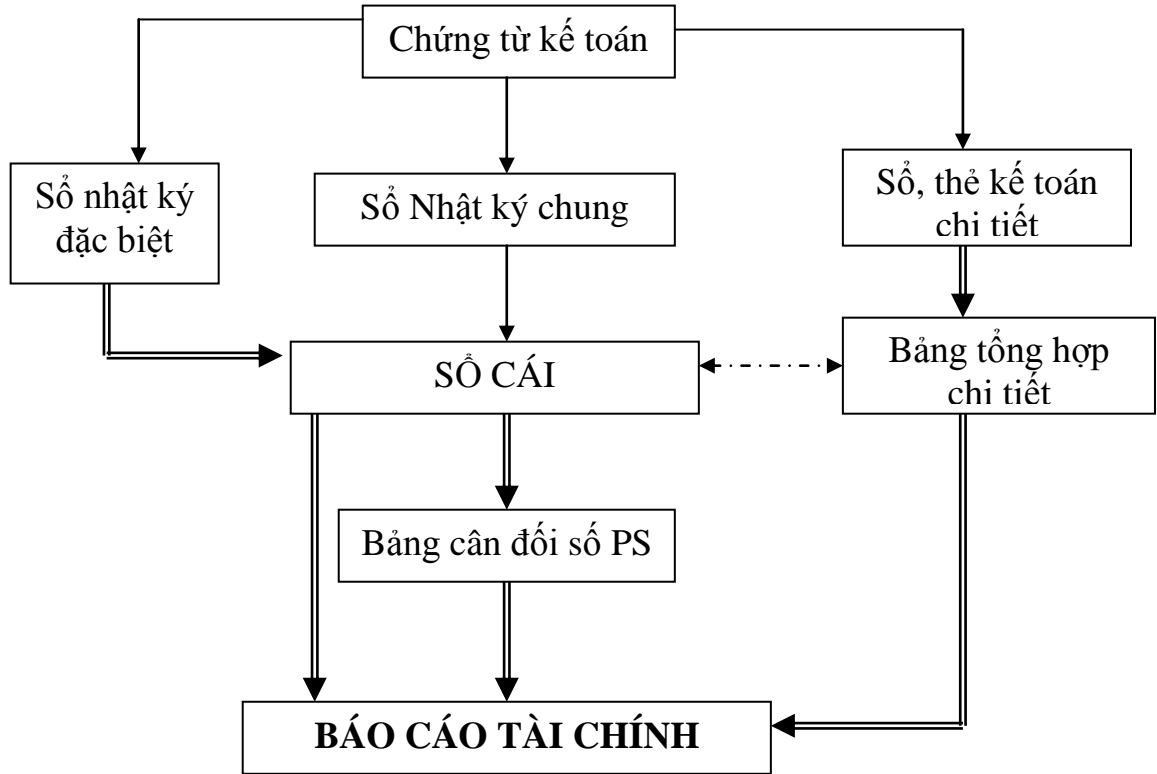
Bao gồm 5 hình thức

- Hình thức sổ Nhật ký chung
- Hình thức sổ Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức sổ Chứng từ ghi sổ
- Hình thức sổ Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức sổ trên máy vi tính

1.3.5.1 Hình thức sổ Nhật ký chung

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh

- Hình thức sổ Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu :
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ cái
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Ghi chú:

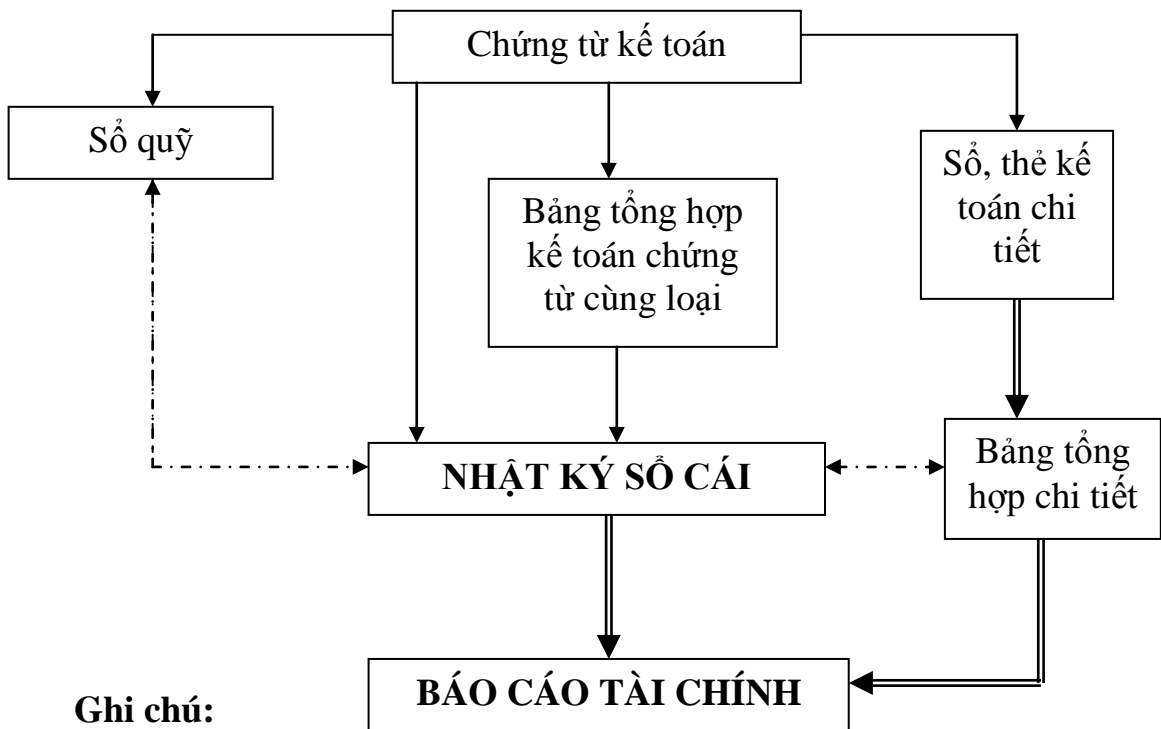
- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.5.2 Hình thức sổ Nhật ký - Sổ cái

- Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

- Hình thức sổ Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau
 - + Sổ Nhật ký - Sổ cái
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.->

-Ưu nhược điểm : Hạch toán theo hệ thống sổ Nhật ký - Sổ cái rất đơn giản, số lượng sổ ít nên ghi sổ ít, số liệu kế toán tập trung. Tuy vậy, hình thức sổ có hạn chế lớn là ghi trùng lặp trên một dòng ghi, khuôn sổ công kênh, khó bảo quản trong niên độ, số lượng sổ tổng hợp chỉ có một quyển nên khó phân công lao động kế toán cho mục đích kiểm soát nội bộ

- Điều kiện vận dụng : Áp dụng trong các doanh nghiệp có ít tài khoản sử dụng, ít lao động kế toán, khối lượng nghiệp vụ phát sinh không nhiều

1.3.5.3 Hình thức sổ Chứng từ ghi sổ

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là sổ Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm :

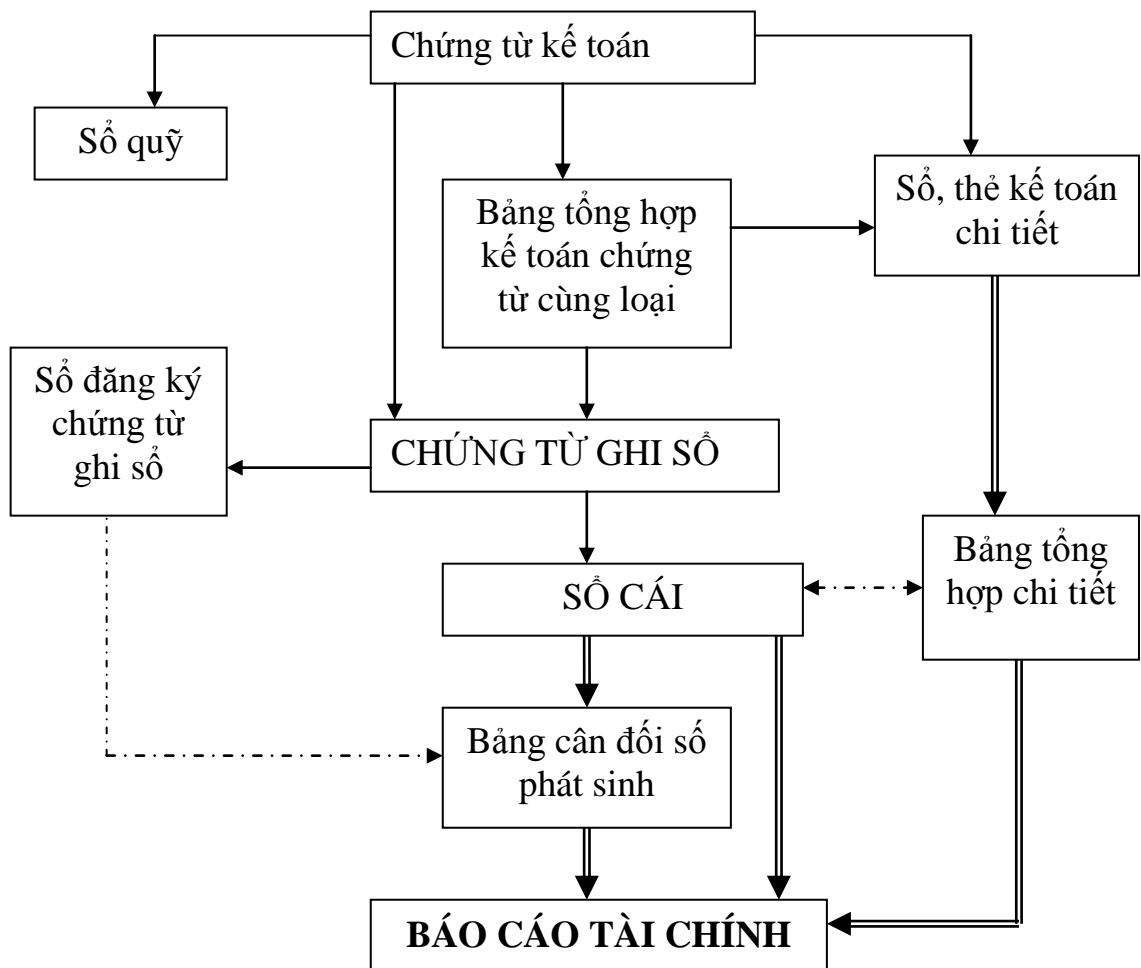
- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được

đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

- Trong hình thức Chứng từ ghi sổ sử dụng các sổ tổng hợp chủ yếu sau :
 - + Sổ chứng từ ghi sổ - Sổ nhật ký tài khoản
 - + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ - Nhật ký tổng quát
 - + Sổ cái tài khoản
 - + Sổ, thẻ chi tiết

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

-Ưu nhược điểm : Ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, thống nhất cách thiết kế sổ Nhật ký và sổ cái, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Tuy vậy hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ vẫn chưa khắc phục được nhược điểm ghi chép trùng lặp của các hình thức sổ kế toán ra đời được sử dụng trước nó

- Điều kiện vận dụng : Áp dụng với mọi loại quy mô đơn vị sản xuất kinh doanh và đơn vị quản lý cũng như đơn vị hành chính sự nghiệp

1.3.5.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính

- Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ sau :

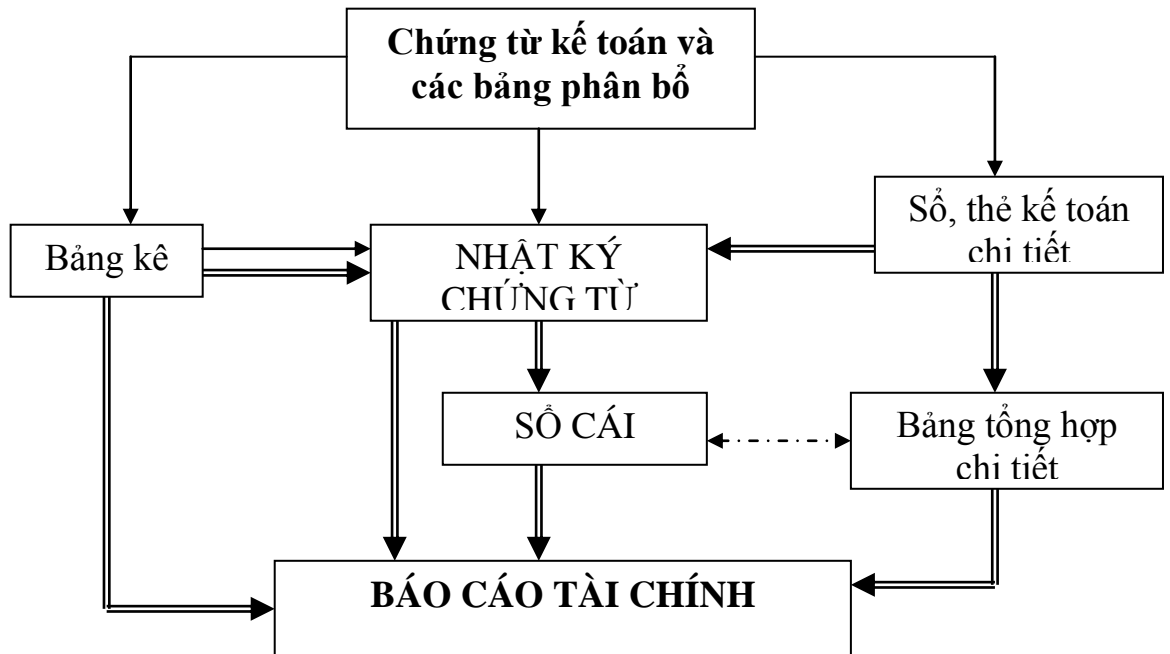
+ Sổ Nhật ký - Chứng từ

+ Bảng kê

+ Sổ cái

+ Sổ hoặc thẻ chi tiết

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <- - - - ->

-Ưu, nhược điểm : Đảm bảo tính chuyên môn hoá cao của sổ kế toán, thực hiện chuyên môn hoá và phân công chuyên môn hoá lao động kế toán. Sổ kết cấu theo bàn cờ nên tính chất đối chiếu kiểm tra cao, mẫu sổ in sẵn quan hệ đối ứng và ban hành thống nhất tạo kỷ cương cho việc ghi chép . Tuy vậy , hạn chế lớn nhất của hình thức này là phức tạp về kết cấu, quy mô sổ lớn về lượng và loại, đa dạng kết cấu giữa các đối tượng trên loại sổ Nhật ký chính và phụ nên khó vận dụng máy tính để xử lý số liệu

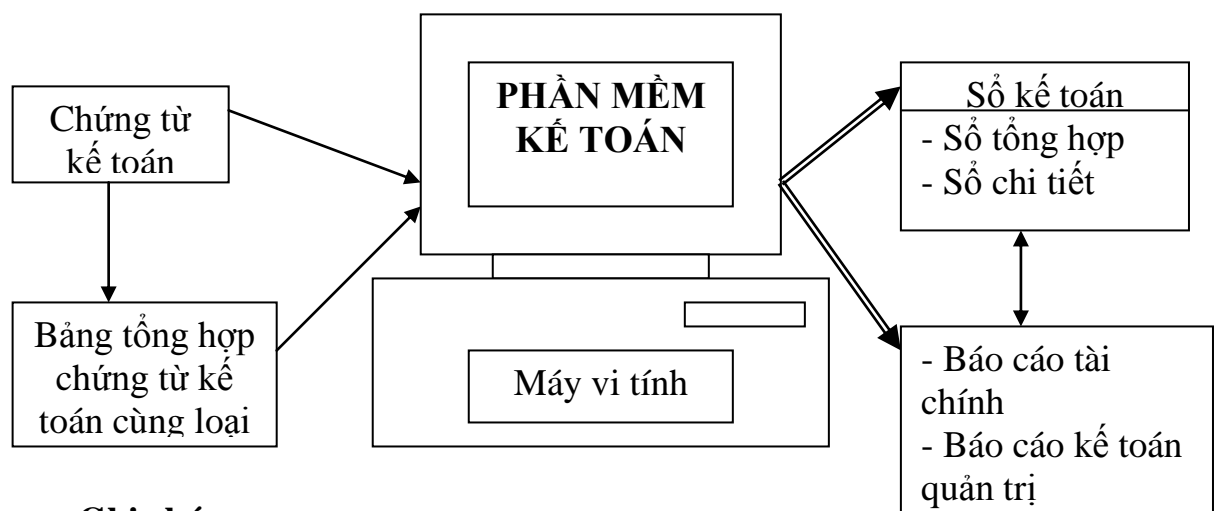
- Điều kiện vận dụng : Áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất hoặc doanh nghiệp thương mại có qui mô lớn, đội ngũ nhân viên kế toán đủ nhiều, đủ trình độ để thao tác nghiệp vụ đúng trên sổ, đơn vị chủ yếu thực hiện kế toán bằng lao động thủ công

1.3.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định

- Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy : Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.-.->

1.3.6 Vấn đề kiểm kê nguyên vật liệu

1.3.6.1 Khái niệm

- Kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho là nhằm xác định số lượng, chất lượng, giá trị từng loại nguyên vật liệu hiện có của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình bảo quản nhập - xuất và sử dụng nguyên vật liệu, phát hiện và xử lý kịp thời những

nguyên vật liệu hao hụt, hư hỏng, ứ đọng kém phẩm chất, ngăn ngừa hiện tượng tham ô lãng phí nguyên vật liệu. Có biện pháp xử lý kịp thời những hiện tượng tiêu cực nhằm chấn chỉnh và đưa vào nề nếp công tác và hạch toán nguyên vật liệu ở doanh nghiệp.

- Đánh giá lại nguyên vật liệu thường được thực hiện trong trường hợp nhà nước quy định nhằm bảo toàn vốn kinh doanh khi có sự biến động lớn về giá cả và đem nguyên vật liệu đi góp vốn liên doanh.

- Tùy theo yêu cầu quản lý, kiểm kê nguyên vật liệu có thể được thực hiện theo phạm vi từng bộ phận, đơn vị hoặc toàn doanh nghiệp, kiểm kê định kỳ hoặc kiểm kê bất thường

- Khi kiểm kê doanh nghiệp phải thành lập hội đồng, hoặc ban kiểm kê phải có thành phần của đại diện lãnh đạo những người chịu trách nhiệm vật chất về bảo quản nguyên vật liệu, phòng kế toán và cán bộ quản lý doanh nghiệp khi kiểm kê phải thực hiện cân, đong, đo, đếm và phải lập biên bản kế toán (05- VT). Xác định chênh lệch giữa số liệu kiểm kê và số liệu ghi trong sổ sách kế toán, đề xuất ý kiến xử lý khoản chênh lệch (nếu có)

1.3.6.2 Phương pháp hạch toán khi kiểm kê

- Căn cứ vào biên bản kiểm kê nguyên vật liệu xác định thừa chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 152 : Nguyên vật liệu

Có TK 3381: Nguyên vật liệu thừa chờ xử lý

- Căn cứ vào biên bản kiểm kê nguyên vật liệu xác định thiếu chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 1381 : Nguyên vật liệu thiếu chờ xử lý

Có TK 152 : Nguyên vật liệu

- Trường hợp phát hiện nguyên vật liệu thiếu đã xác định được nguyên nhân người phạm lỗi phải bồi thường

Nợ TK 111: Tiền mặt

Nợ TK 334 : trừ vào lương

Nợ TK 1388 : Phải thu khác

Có TK 1381

- Trường hợp kiểm nhận nguyên vật liệu mua về nhập kho, nếu số kiểm nhận lớn hơn hoặc nhỏ hơn số ghi hoá đơn, hội đồng hoặc ban kiểm nhận phải lập biên bản kiểm nghiệm (03- VT) và xác định nguyên nhân cụ thể để ghi số kế toán.

Nếu thừa với số lượng lớn do bên giao nhầm kế toán ghi vào Tk 002: vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, gia công và phải có trách nhiệm bảo cho bên bán biết để xử lý. Trong thời gian giữ hộ, doanh nghiệp cần có trách nhiệm bảo quản số nguyên vật liệu đó.

Trường hợp thiếu nguyên vật liệu chưa rõ nguyên nhân

Nợ TK 152: Số thực nhập

Nợ TK 1381: Số thiếu

Có TK 111,112,331: Số theo HĐ

Nếu giá trị nguyên vật liệu thiếu nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (hao hụt trong định mức) thì được tính vào giá trị vật tư nhập kho.

- Trường hợp đánh giá lại nguyên vật liệu doanh nghiệp phải lập hội đồng hoặc ban đánh giá lại. Căn cứ vào biên bản đánh giá lại

+ Nếu đánh giá lại nhỏ hơn ghi số kế toán, phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 412 : Chênh lệch đánh giá lại nguyên vật liệu

Có Tk 152

+ Nếu đánh giá lại lớn hơn giá ghi số kế toán, phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 152

Có TK 412 : Chênh lệch đánh giá lại nguyên vật liệu

1.3.6.3 Xử lý kết quả kiểm kê và đánh giá lại nguyên vật liệu

- Số nguyên vật liệu thừa:

Nợ TK 3381 : Số thừa chờ xử lý

Có TK 721: thu nhập bất thường

- Số nguyên vật liệu thiếu

+ Nếu thiếu hụt tổn thất trong định mức:

Nợ Tk 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có Tk 1381 : Phải thu khác

+ Nếu số nguyên vật liệu thiếu người chịu trách nhiệm vật chất phải bồi thường thì ghi

Nợ TK 1388 : Phải thu khác

Nợ TK 334 : Trừ vào lương

Nợ TK 111: Tiền mặt

Có TK 1381: Số thiếu chờ xử lý

- Đối với kiểm kê chênh lệch do đánh giá lại, nếu được phép ghi tăng, giảm nguồn vốn kinh doanh

+ Nếu ghi tăng nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 412 : Chênh lệch đánh giá lại tài sản

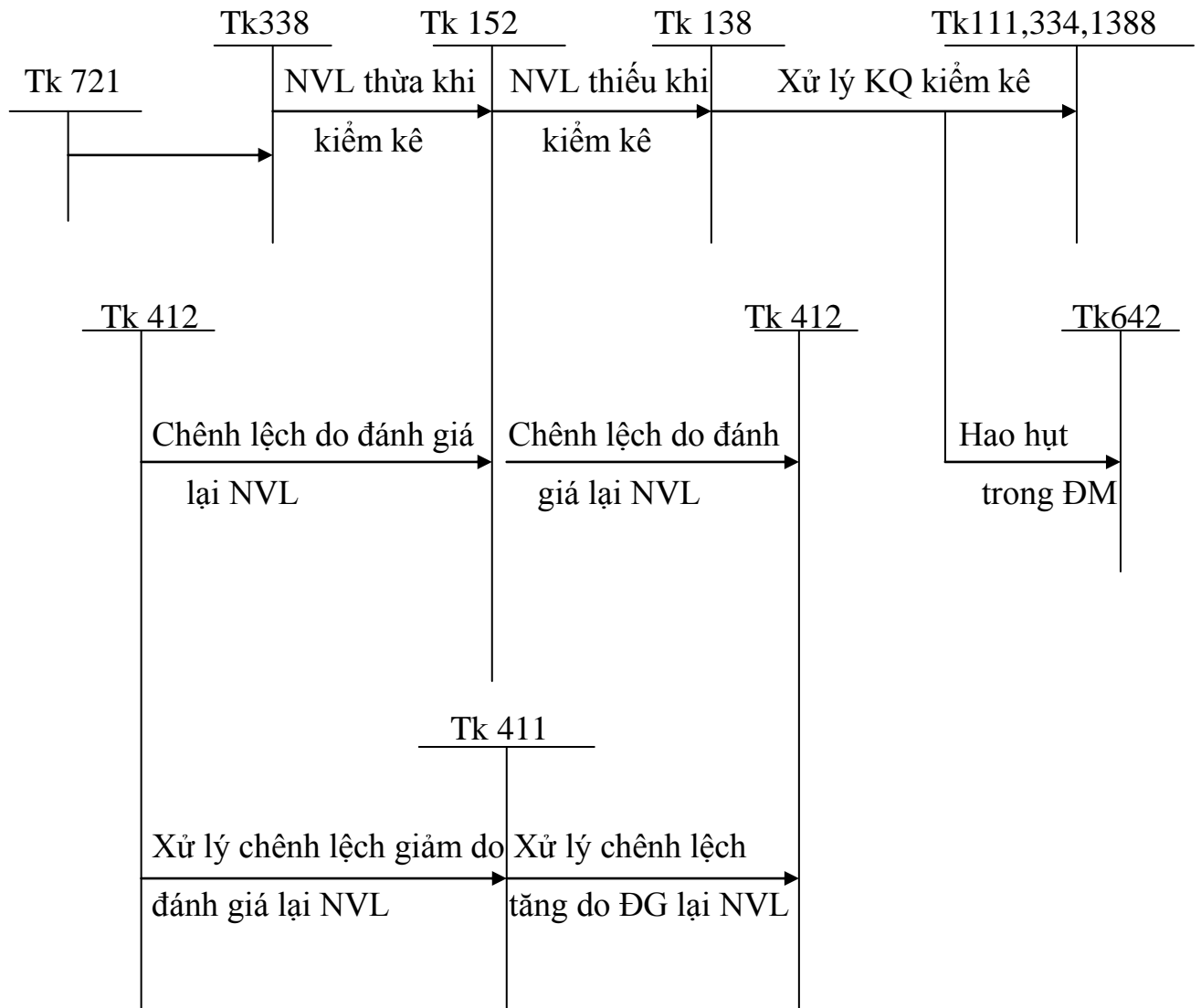
Có TK 411: Nguồn vốn kinh doanh

+ Nếu ghi giảm nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 411 : Nguồn vốn kinh doanh

Có TK 412 : Chênh lệch đánh giá lại tài sản

**Sơ đồ 1.11: Kiểm kê và đánh giá lại nguyên vật liệu
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)**



1.3.7 Hệ thống báo cáo kế toán nguyên vật liệu

Trong quá trình điều hành hoặc tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, để có được những quyết định kinh tế chính xác, kịp thời đòi hỏi phải có những thông tin mang tính tổng quát, khái quát, có hệ thống và tương đối toàn diện về tình hình và hoạt động, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sau mỗi kỳ nhất định. Những thông tin này phải là những thông tin kinh tế tài chính do kế toán thu thập, tổng hợp và cung cấp. Vì vậy sau một kỳ kế toán các doanh nghiệp nhất thiết phải lập và lưu hành các báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo kế toán được chia thành 2 loại :

- + Báo cáo tài chính
- + Báo cáo quản trị

1.3.7.1 Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là những báo cáo phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp bằng cách tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế, tài chính có cùng tính chất kinh tế thành các yếu tố của báo cáo tài chính. Các yếu tố liên quan trực tiếp đến đánh giá tình hình và kết quả kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu, thu nhập khác, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính cũng phản ánh tình hình tạo tiền và lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp. Nói cách khác, báo cáo tài chính là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho các đối tượng quan tâm

Đối với nguyên vật liệu, báo cáo tài chính phải trình bày các chỉ tiêu liên quan đến nguyên vật liệu bao gồm : Các quy định kế toán áp dụng trong việc đánh giá nguyên vật liệu bao gồm cả phương pháp tính giá trị nguyên vật liệu, tổng số giá gốc của nguyên vật liệu và giá gốc của từng loại nguyên vật liệu được phân loại phù hợp với đơn vị, tổng số giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu, giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu đã dùng thế chấp, cầm cố như sự đảm bảo cho các khoản nợ

1.3.7.2 Báo cáo quản trị

Báo cáo quản trị là những báo cáo chi tiết phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của quản lý trong doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có thể sử dụng các báo cáo quản trị khác nhau tuy nhiên chúng đều tập trung vào việc phản ánh và cung cấp các thông tin cho mục tiêu quản lý doanh nghiệp

Đối với nguyên vật liệu, báo cáo kế toán quản trị phản ánh chi tiết tình hình biến động nguyên vật liệu của doanh nghiệp theo từng loại, từng thứ để phục vụ yêu cầu quản trị kinh doanh. Báo cáo nguyên vật liệu thường được lập cho từng kho, từng đơn vị, từng bộ phận của doanh nghiệp và toàn doanh nghiệp

Báo cáo kế toán cung cấp thông tin toàn diện, có hệ thống về tình hình sản xuất kinh doanh, kết quả kinh doanh cũng như tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp. Các báo cáo kế toán là cơ sở để cung cấp số liệu để tiến hành phân tích hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh, khai thác các tiềm năng của doanh nghiệp. Từ đó có được các phương án kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy báo cáo kế toán phải trung thực, chính xác, bảo đảm tính khách quan và tình hình thực tế của doanh nghiệp

CHƯƠNG 2:

TÌNH HÌNH THỰC TẾ VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

2.1 Khái quát hoạt động sản xuất kinh doanh công ty đóng tàu Phà Rừng

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Đóng tàu Phà Rừng.

Tiền thân của Công ty Đóng tàu Phà Rừng là Công ty sửa chữa tàu biển Phà Rừng đó là một công trình hợp tác Việt Nam - Phần Lan được thành lập theo quyết định số 622/QĐ/ TCCB- LĐ cấp ngày 5 tháng 4 năm 1983 của Bộ Giao thông vận tải và nghị định số 33/CP ngày 17/05/1996 của Chính phủ về việc phê chuẩn Điều lệ và tổ chức hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam. Công ty sửa chữa tàu biển Phà Rừng được thiết kế, xây dựng, lắp đặt hướng dẫn khai thác với sự giúp đỡ của Chính phủ Phần Lan và các chuyên gia Phần Lan.

Sau khi thành lập đi vào hoạt động Công ty không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng. Từ chỗ, ban đầu lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ sửa chữa do nhu cầu đóng mới tàu thủy trên thị trường ngày càng lớn và nhu cầu không ngừng phát triển của công ty nên năm 2002 công ty đã chuẩn bị cho chiến lược đóng mới các phương tiện tàu thủy. Để phù hợp với nền kinh tế thị trường, xu thế hội nhập và chiến lược phát triển lâu dài Công ty nên năm 2005 Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu Phà Rừng (gọi tắt là Công ty Đóng tàu Phà Rừng) theo quyết định số 152/2004/ QĐ – TT ngày 16/8/2004 của thủ tướng Chính Phủ.

Trụ sở giao dịch: Thị trấn Minh Đức - Huyện Thuỷ Nguyên - Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.875.128

Fax: 0313.875.067- 875.134.

Tài khoản: 110.20053494016 tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Hàng Hải chi nhánh Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200159277.

Tổng số lao động: 1.042 người trong đó nữ có 137 người, nam 905 người. Số người có trình độ Đại học và cao đẳng là 117 người, trung học chuyên nghiệp có 90 người, còn lại là công nhân kỹ thuật có tay nghề(từ bậc 5- 7 có 301 người).

Vốn điều lệ: 86.966.342.121 VND

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Đóng tàu Phà Rừng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất số 0204000031 ngày 12/09/2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sửa chữa tàu biển, dịch vụ hàng hải, tổ chức kinh doanh vận tải đường bộ.
- Gia công lắp đặt các linh kiện thép, phá dỡ tàu cũ.
- Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng, phụ kiện công nghiệp tàu thủy và dân dụng.
- Đóng mới các phương tiện tàu thủy , bóc xếp hàng hoá tại tàu.
- Kinh doanh sắt thép phế liệu.
- Vận tải biển và các ngành, nghề theo quy định của pháp luật.

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của Công ty Đóng tàu Phà Rừng trong quá trình hoạt động.

2.1.3.1 Thuận lợi:

- Do được sự giúp đỡ và ưu ái của chính phủ Việt Nam Và Phần Lan nên quy mô của Công ty là tương đối lớn có thể sửa chữa được các tàu có trọng tải lớn đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế. Trong năm 2002 nhận được sự giúp đỡ của Tổng Công ty công nghiệp tàu thủy Việt Nam nên công ty đang tiến hành đẩy nhanh công việc đóng mới tàu thủy để sớm đưa con tàu đầu tiên được xuất xưởng.

- Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo và định hướng đúng đắn của Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam thêm vào đó nhà máy còn được hoạt động sản xuất kinh doanh trên một môi trường chính trị ổn định có hành lang pháp lý an toàn cạnh tranh lành mạnh để nhà máy có thể an tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ và tay nghề cao, giàu kinh nghiệm, lành nghề, tự giác khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, có sự đoàn kết thống nhất từ cấp lãnh đạo đến những người lao động.

- Hệ thống nhà điều hành và các phòng ban giúp việc với đầy đủ trang thiết bị hiện đại, phục vụ tốt, nhanh nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Được Chính quyền địa phương nơi Công ty đặt trụ sở (cả 3 cấp Thị trấn, huyện, thành phố) sẵn sàng tạo điều kiện về đất đai, hạ tầng, bảo vệ an ninh cho Công ty trong sản xuất kinh doanh.

- Khách hàng chấp nhận và tiêu thụ sản phẩm của Công ty đều là những khách hàng lớn.

Ngoài những thuận lợi được nêu trên công ty cũng gặp phải những khó khăn sau.

2.1.3.2 Khó khăn:

- Do việc đầu tư giai đoạn 1 chưa hoàn chỉnh nên trong suốt 20 năm Công ty chỉ hoạt động với 1 ụ tàu, nên ảnh hưởng đến tăng trưởng của giá trị sản xuất,

- Mặt bằng sản xuất quá chật hẹp (chỉ có 13 ha lại phân tán) bất lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ đóng tàu, nhất là đóng tàu lớn.

- Luồng dẫn tàu vào nhà máy do bảo đảm hàng hải quản lý, tu bổ, nạo vét nhưng không đủ tiêu chuẩn luồng quốc gia, nên ảnh hưởng đến thị trường sửa chữa và đóng mới của công ty.

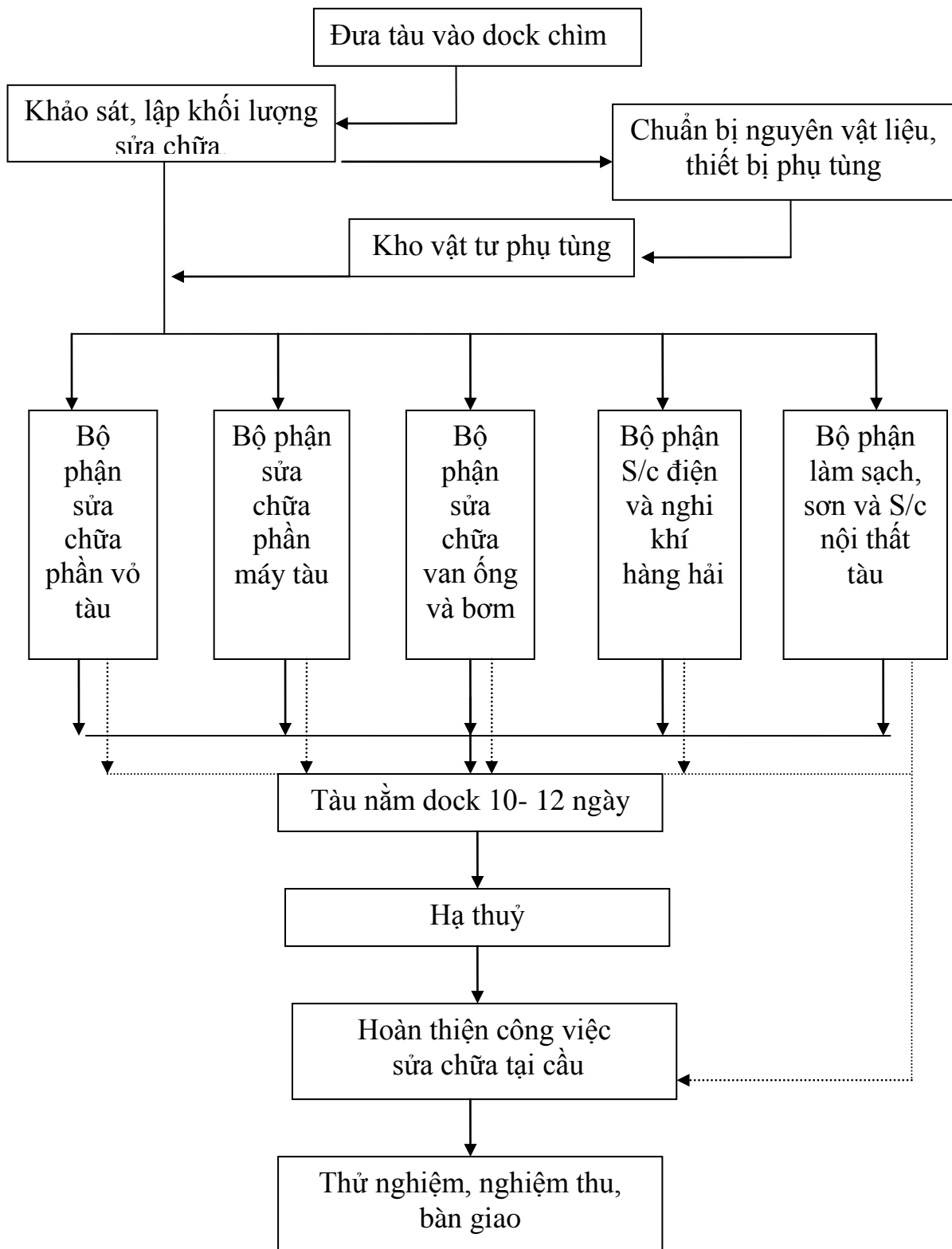
- Thị trường sửa chữa và đóng tàu luôn có xu hướng thu hẹp, do tàu nhỏ càng ít dần tàu có trọng tải lớn có xu hướng tăng, nhà máy chỉ được đầu tư ụ đến 15.000tấn, đà 10.000 tấn nên không có khả năng sửa chữa và đóng các tàu lớn. Mặt khác vị trí của Công ty nằm ở ngoại thành nên việc đi lại gặp rất nhiều khó khăn từ đó nảy sinh ra các chi phí về các dịch vụ đi lại của CBCNV, việc vận chuyển vật tư cũng gặp khó khăn chi phí lớn, việc ăn ở cho các thủy thủ và thuyền viên trong thời gian sửa chữa không được thuận tiện. Hải Phòng chưa có nhiều đại lý cung cấp cấp vật tư với yêu cầu kỹ thuật cao nên thường phải chờ nhập khẩu từ nước ngoài làm ảnh hưởng đến tiến độ sửa chữa.

2.1.4 Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty Đóng tàu Phà Rừng.

Đặc điểm về sản phẩm và công nghệ - kỹ thuật sản phẩm.

Sản phẩm: Loại hình sản xuất của Công ty là sản xuất đơn chiếc hoặc hàng loạt nhỏ theo đơn đặt hàng nên quy trình công nghệ phức tạp liên tục vì công nghệ sửa chữa tàu, đóng tàu phải qua nhiều công đoạn, tính đồng bộ trong sản xuất cao, yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm ở trình độ cao và phức tạp vì sản phẩm hoạt động trên biển cả đòi hỏi phải có sự an toàn cao trong sử dụng.

Giới thiệu tóm tắt về quy trình công nghệ sửa chữa tàu.



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ quy trình công nghệ

—————> Công việc phải hoàn thành trong dock trước khi hạ thủy.

- - - - -> Công việc có thể tiếp tục hoàn thành sau khi tàu ra khỏi dock.

Nội dung cơ bản của các bước công việc trong quy trình công nghệ:

*** *Đưa tàu vào dock:***

Để khảo sát và xác định chính xác, cụ thể khối lượng công việc cần sửa.

*** *Khảo sát, xác định khối lượng công việc sửa chữa:***

Việc khảo sát nhằm đối chiếu với các nội dung của hạng mục đã được lập sẵn của chủ tàu và xác định chính xác, cụ thể khối lượng công việc cần thực hiện cũng như vật tư, phụ tùng cần thay mới. Nội dung khảo sát bao gồm:

- Phần vỏ tàu: Các công việc liên quan đến sửa chữa, thay mới vỏ tàu, thiết bị trên boong.
- Phần máy: Các công việc liên quan đến hệ trục chân vịt, máy chính.
- Phần van ống: Các công việc liên quan đến hệ thống van ống, bơm.
- Phần điện và nghi khí hàng hải: Các loại động cơ máy phát, các mô tơ điện, bảng điện, Ra đa, la bàn, máy thông tin liên lạc, máy định vị vệ tinh, các loại đèn tín hiệu cấp cứu.
- Phần làm sạch, sơn và sửa chữa nội thất tàu: Công việc làm sạch và sơn trang trí toàn bộ tàu, sửa chữa nội thất trong các buồng, khoang trên tàu.

*** *Chuẩn bị nguyên vật liệu:***

Sau khi khảo sát, căn cứ vào khối lượng thực tế người ta đối chiếu với công việc chuẩn bị trước đó xem có sự chênh lệch về chủng loại, chất lượng hay không kịp thời điều chỉnh.

*** *Công việc sửa chữa tàu trong dock:***

- Công việc sửa chữa bao gồm toàn bộ các nội dung đã được khảo sát, xác định về khối lượng, yêu cầu kỹ thuật và được thống nhất giữa các bên liên quan: Chủ tàu, Nhà máy và Đăng kiểm (nếu cần) được nêu ở trên.

-Việc xác định khối lượng công việc cũng như cân đối năng lực được các đơn vị quản lý, điều hành và thực hiện sản xuất thực hiện sao cho phù hợp với tiến độ sản xuất và thứ tự công việc cần được thực hiện để đảm bảo kế hoạch hạ thủy tàu.

*** *Hạ thủy tàu:***

Việc hạ thủy tàu được thực hiện sau khi hoàn thiện sửa chữa phần chìm trong dock

*** Hoàn thiện các công việc sau khi tàu hạ thủy:**

Tất cả các công việc còn tồn lại mà thời gian trong dock chưa thực hiện xong các công việc đó không nhất thiết phải thực hiện trong dock thì sẽ được thực hiện và hoàn thiện sau khi hạ thủy và trước khi bàn giao tàu.

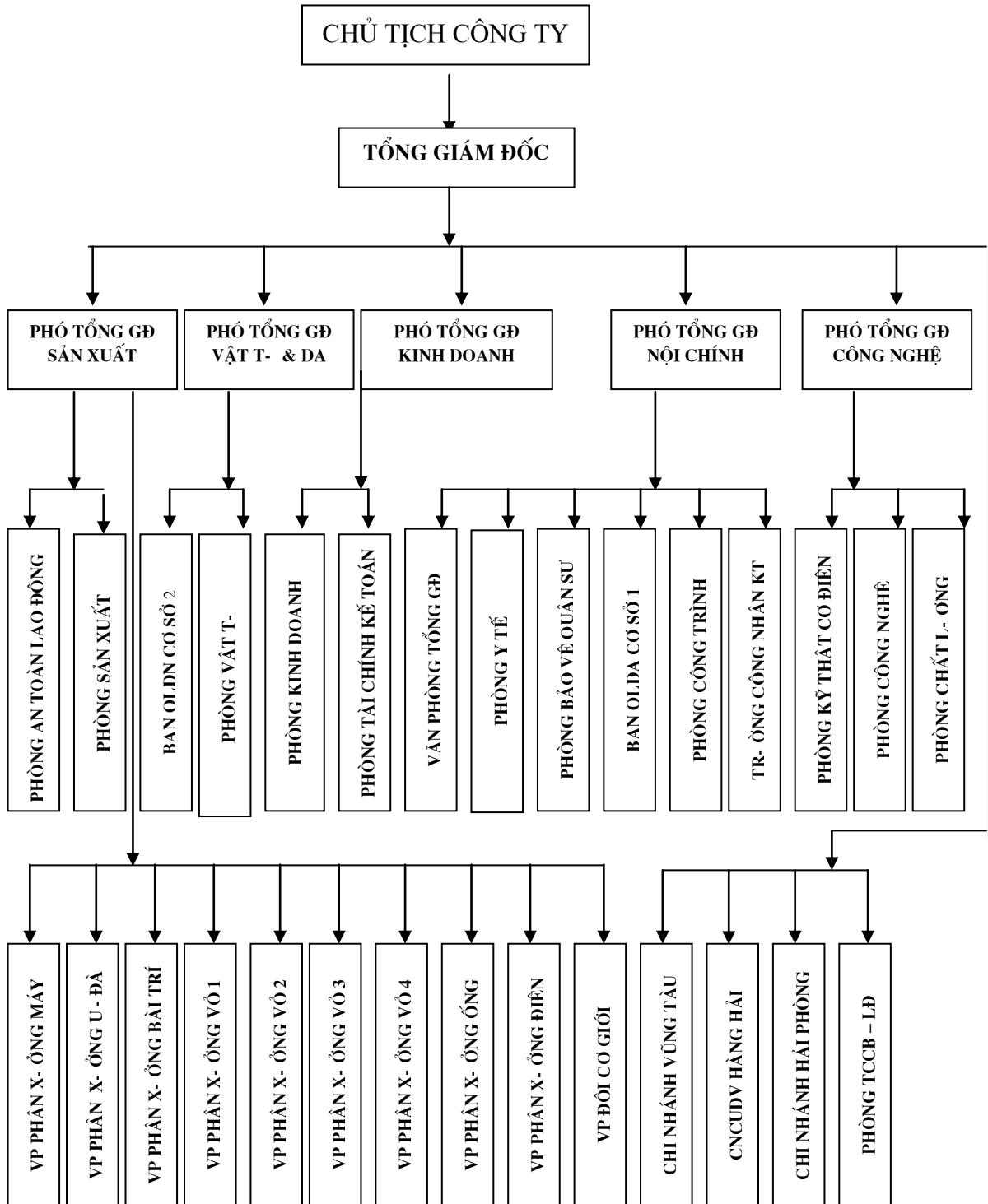
*** Thử nghiệm, nghiệm thu và bàn giao:**

Tất cả các công việc liên quan đến sửa chữa, hoán cải mà theo quy định của Đăng kiểm cần phải được thử nghiệm trước khi nghiệm thu, bàn giao là phải được thực hiện theo đúng luật.

→ Để tăng hiệu quả khai thác dock, các công việc không cần phải đưa tàu vào dock mới sửa chữa được tiến hành trước và sau khi tàu vào, ra dock tại khu vực cầu tàu của Nhà máy.

2.1.5 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Đóng tàu Phà Rừng.

Công ty tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp theo mô hình trực tuyến chức năng. Và được thể hiện bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Đóng tàu Phà Rừng:

Chức năng của các phòng ban:

- Giám đốc là người có quyền điều hành cao nhất trong nhà máy và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy. Giám đốc trực tiếp phụ trách phòng tổ chức cán bộ lao động, phòng kinh doanh, phòng tài chính kế toán

- Phó giám đốc sản xuất có nhiệm vụ giúp giám đốc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất tại nhà máy: kế hoạch sửa chữa tàu, sản xuất kiện thép, phá dỡ, đóng mới...

- Phó giám đốc kỹ thuật nội chính: giúp giám đốc tổ chức thực hiện kế hoạch sửa chữa thiết bị nội bộ, bảo vệ an toàn cho nhà máy. Trực tiếp phụ trách phòng khoa học kỹ thuật có điện, văn phòng giám đốc, phòng bảo vệ...

- Phòng kinh doanh: có chức năng đổi mới công nghệ, đầu tư chiều sâu, mở rộng quy mô và phát triển của nhà máy, tìm kiếm thị trường.

- Phòng vật tư: giúp GD lập và thực hiện kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho nhu cầu sản xuất, sửa chữa thiết bị nội bộ và dự trữ tại kho.

- Phòng tài chính kế toán: giúp GD trong lĩnh vực thống kê kế toán tài chính.

- Phòng sản xuất: Chịu trách nhiệm trong khâu sản xuất, sửa chữa tàu biển.

Phòng chất lượng: Kiểm tra giám sát quản lý chất lượng sửa chữa, máy móc thiết bị. Xây dựng tiêu chuẩn hoá chất lượng sản phẩm, kiểm định dụng cụ đo lường của nhà máy.

- Phòng tổ chức cán bộ lao động: Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành sản xuất, quản lý, quy hoạch, tiêu chuẩn hoá cán bộ. Thực hiện chế độ với cán bộ công nhân viên, tham mưu bố trí sử dụng lao động.

- Phòng kỹ thuật cơ điện: Quản lý lập kế hoạch bảo quản, sửa chữa thiết bị nội bộ, xây dựng các định mức cần thiết để sản xuất. Đưa ra những cải tiến về khoa học kỹ thuật vào Nhà máy

- Văn phòng Giám đốc: Tổng hợp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mua sắm thiết bị, văn phòng phẩm, tiện nghi làm việc co các đơn vị, công tác y tế, quản lý văn phòng làm việc, khu tập thể của Công ty

- Trường công nhân kỹ thuật : Đào tạo theo yêu cầu của Công ty.

2.1.6 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Đóng tàu Phà Rừng.

2.1.6.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.

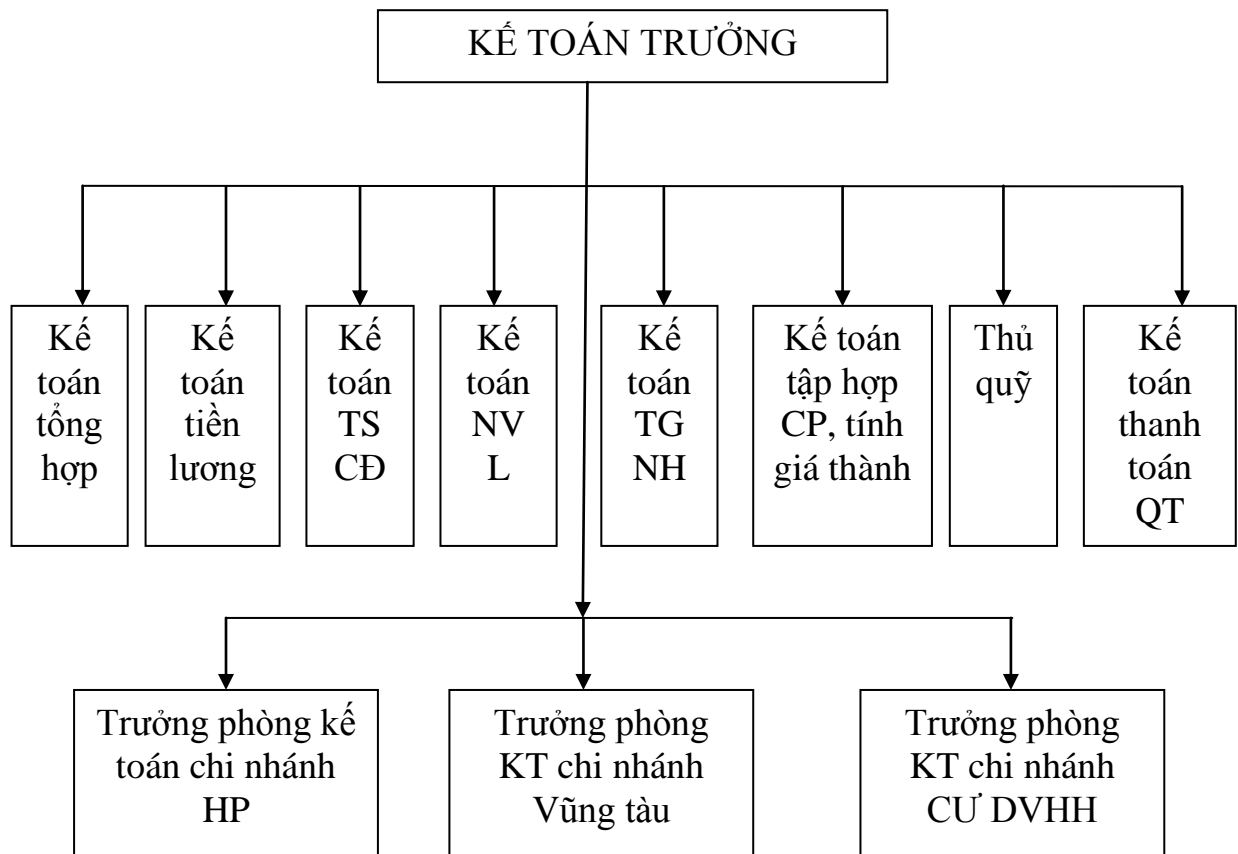
● Hình thức tổ chức :

Với hình thức tổ chức kế toán của Công ty là vừa tập trung vừa phân tán vì Công ty có một trụ sở chính và 3 chi nhánh trực thuộc được phân cấp quản lý tài chính riêng, được phân phối nguồn vốn riêng, tự xác định lãi lỗ nhằm mục đích phát huy tính chủ động sáng tạo trong SXKD của các đơn vị trực thuộc mặc dù các chi nhánh có tổ chức kế toán riêng nhưng định kỳ vẫn phải lập báo cáo kế toán gửi về phòng kế toán trung tâm tại đây các báo cáo kế toán của các chi nhánh được tập hợp cùng với báo cáo của Công ty để lập lên báo cáo của toàn doanh nghiệp.

● Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty đóng tàu Phà Rừng:

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức thành một phòng gọi là phòng Tài Chính Kế Toán, bao gồm:

- Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng.
- Kế toán tổng hợp.
- Kế toán chi phí giá thành
- Kế toán tiền lương và các khoản công nợ nội bộ.
- Kế toán theo dõi tài sản cố định.
- Kế toán nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Kế toán hạch toán.
- Thủ quỹ.
- Kế toán XDCB
- Kế toán tiền gửi ngân hàng
- Kế toán tiền vay
- Kế toán tiền mặt



Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức bộ chức bộ máy của Công ty.

*** Chức năng và nhiệm vụ của phòng tài chính kế toán.**

- Bộ phận kế toán của Công ty có nhiệm vụ tổ chức thực hiện đầy đủ toàn bộ công tác kế toán trong phạm vi Công ty, giúp cho lãnh đạo nhà máy tổ chức phân tích các hoạt động kinh tế của Công ty để đánh giá đúng thực trạng sản xuất kinh doanh.

- Giúp cho lãnh đạo Công ty trong việc lập và sử dụng quỹ của Công ty theo quy định của Nhà nước.

Trực tiếp tham gia giao dịch một số nghiệp vụ liên quan tới khách hàng nước ngoài, đơn đốc việc thanh toán công nợ. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát có hoạt động có sử dụng vốn của Công ty nhằm bảo vệ tài sản, tiền vốn... mà nhà nước giao cho.

*** Chức năng nhiệm vụ của các nhân viên trong phòng:**

Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về toàn bộ công tác kế toán tài chính, điều hành công việc chung của phòng kế toán, có nhiệm vụ theo dõi tất cả các phần hành kế toán, xem xét các bảng biểu chứng từ, quản lý chung mọi chi phí được hạch toán để lập báo cáo tài chính và trình GD kí duyệt

Kế toán tổng hợp: Sau khi các bộ phận đã lên báo cáo kế toán tổng hợp kiểm tra xem xét tất cả các chỉ tiêu đó xác định kết quả sản xuất kinh doanh giúp cho kế toán trưởng lập BCTC của doanh nghiệp.

Kế toán vật liệu: Tập hợp tính toán số liệu phản ánh giá trị nguyên vật liệu, nhiên liệu phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ xuất dùng trong sản xuất kinh doanh.

Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm: Tập hợp các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện sửa chữa tàu từ đó để tính giá thành cho từng sản phẩm.

Kế toán TSCĐ: Theo dõi giá trị thực tế, tình hình tăng giảm TSCĐ và tính khấu hao.

Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương : Theo dõi và tính toán nghiệp vụ liên quan đến tiền lương phải trả cho CBCNV, các khoản phải nộp BHXH, BHYT, KPCĐ .

Kế toán ngân hàng: Tiến hành các nghiệp vụ giao dịch với ngân hàng theo dõi thực hiện các khoản thanh toán với khách hàng bằng tiền gửi ngân hàng, đơn đốc việc thu nợ.

Thủ quỹ: Quản lý quỹ tiền mặt thực hiện việc thu chi tiền mặt và phát lương cho CBCNV.

2.1.6.2 Tổ chức hệ thống chứng từ tại Công ty.

Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán và kỳ kế toán tại công ty:

Công ty Đóng tàu Phà Rừng áp dụng niên độ kế toán trùng với năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 của mỗi năm.

Kỳ kế toán đối với việc ghi sổ kế toán ghi theo tháng, còn báo cáo kế toán lập theo quý.

2.1.6.3 Tổ chức hệ thống tài khoản và phương pháp kế toán tại Công ty.

- Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

- Công ty áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Tính giá thực tế xuất dùng vật tư, hàng hoá, thành phẩm kế toán áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (Theo tháng)

- Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, hàng hoá, thành phẩm theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

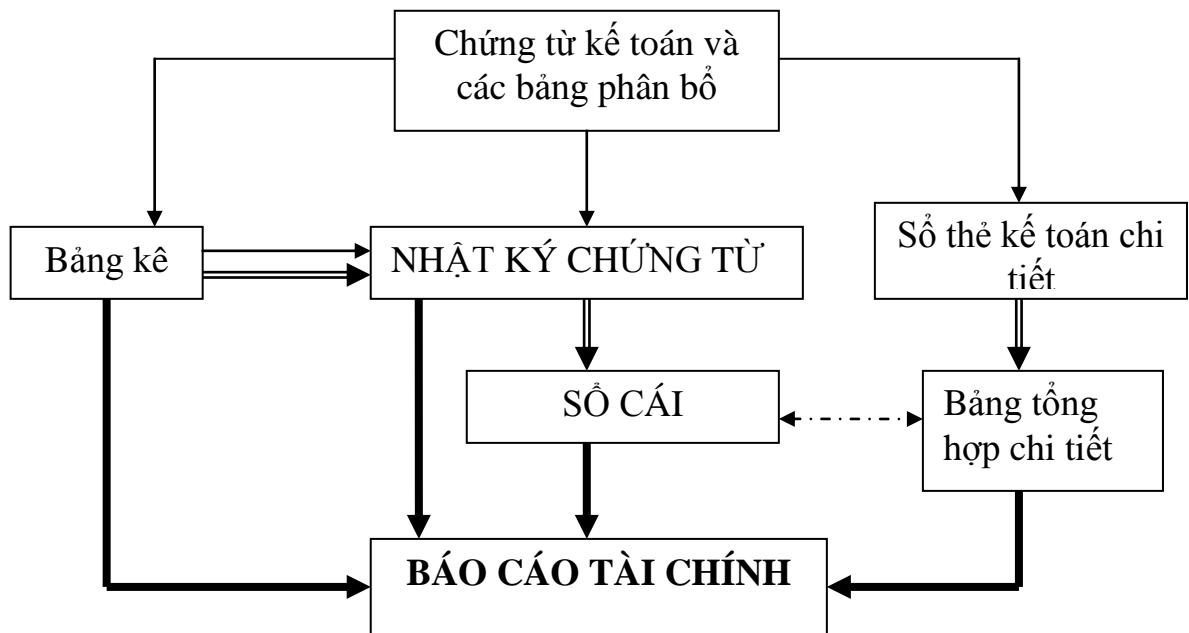
2.1.6.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty.

Do tính chất hoạt động cũng như đặc điểm sản xuất kinh doanh của nhà máy là rất phức tạp, khối lượng công việc lớn, cùng với việc chuyên môn hoá trong công tác kế toán cao nên Công ty đã áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký- Chứng từ”.(Sơ đồ 2.4)

Quy trình hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ như sau:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán và các bảng phân bổ, kế toán vào các bảng kê và Nhật ký chứng từ, đồng thời lập sổ và thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái.



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- .-.-> : Đối chiếu, kiểm tra.
- ==> (thick) : Ghi cuối quý.

Sơ đồ 2.4 . Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật ký- Chứng từ tại công ty đóng tàu Phà Rừng

- Đồng thời, tại thời điểm cuối tháng , kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để vào Sổ cái tài khoản, tổng hợp số liệu từ sổ và thẻ kế toán chi tiết để vào bảng tổng hợp chi tiết.

- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán còn tiến hành đối chiếu, kiểm tra giữa Sổ cái tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối quý, tổng cộng ở Sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và Các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

*** Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.**

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

* **Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:**

- Các nhật ký chứng từ
- Các bảng kê
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết các tài khoản
- Sổ quỹ
- Sổ cái tài khoản
- Các bảng phân bổ như bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, bảng phân bổ tiền lương...

2.2 Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng

2.2.1 Đặc điểm phân loại nguyên vật liệu và công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng

2.2.1.1 Đặc điểm

Do đặc điểm, tính chất nhiệm vụ của sản xuất kinh doanh của nhà máy với quy mô lớn, nhiều loại và kích cỡ khác nhau. Tổng giá trị nguyên vật liệu chiếm khoảng 75-80% giá thành sản xuất. Để đáp ứng nhu cầu sửa chữa và đóng mới, vốn chủ yếu do nhà nước cấp, còn nguyên vật liệu thì Công ty tự tìm kiếm các đối tác để ký các hợp đồng lớn, đảm bảo về số lượng, chất lượng nguyên vật liệu theo yêu cầu. Các khâu nhập vào và xuất ra của Công ty đều phải thông qua kiểm kê định kỳ về quy cách chất lượng. Công tác định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong lúc sửa chữa và đóng mới cũng đang được quan tâm để tránh tình trạng lãng phí nguyên vật liệu đầu vào góp phần hạ giá thành sửa chữa và đóng mới. Loại vật tư chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là tôn tấm và thép hình các loại, hàng năm công ty sử

dụng trung bình 600 – 800 tấn. Giá trị vật tư phục vụ sửa chữa và đóng mới hàng năm Công ty phải mua từ 20 – 25 tỷ đồng. Do đặc thù của vật tư sửa chữa, đóng mới rất dạng và phải nhập khẩu nên công tác dự trữ vật tư được Công ty coi trọng. Công ty có hệ thống kho tàng tốt đảm bảo cho việc bảo quản và kiểm soát các vật tư dự trữ một cách khoa học. Giá trị vật tư dự trữ khoảng 6- 7 tỷ đồng.

2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu

Để quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu và hạch toán chính xác vật liệu được dễ dàng và không tốn nhiều công sức, công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu dựa trên công dụng kinh tế của chúng như sau:

- Vật liệu chính gồm: Tôn tấm, thép, kim loại đen, kim loại màu, sơn tàu biển, các loại hoá chất, xăng, dầu mỡ, que hàn, gỗ, sơn...

- Vật liệu phụ : Ôxy, gas, C₂H₂, khí CO₂, bu lông êcu, ốc vít, thanh răng, cút, các loại bìa, cao su, các loại dây điện, dây kim loại, dây nilon...

2.2.1.3 Công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng

Do tính chất phức tạp, phong phú và đa dạng của nguyên vật liệu tại công ty mà công ty đóng tàu Phà Rừng rất coi trọng việc quản lý nguyên vật liệu để có thể theo dõi, kiểm tra, hạch toán chính xác số lượng và chất lượng nguyên vật liệu trong kỳ. Công ty đã quản lý vật liệu như sau:

- Thứ 1: Hệ thống kho vật tư của công ty được bảo quản ở 6 kho phù hợp với công dụng của từng loại vật tư:

+ Kho trung tâm: gỗ, đá cắt, ống nhựa, bạt cuộn đầu cấp....

+ Kho trung tâm đóng mới : hạt mài, bu lông ê cu inox

+ Kho phụ tùng: Vòng bi các loại, van điện từ các loại...

+ Kho kim khí: Ống thép đen các loại, thép tấm các loại...

+ Kho phụ tùng đóng mới: Cửa sổ tàu kín nước, tấm ốp tường cách nhiệt...

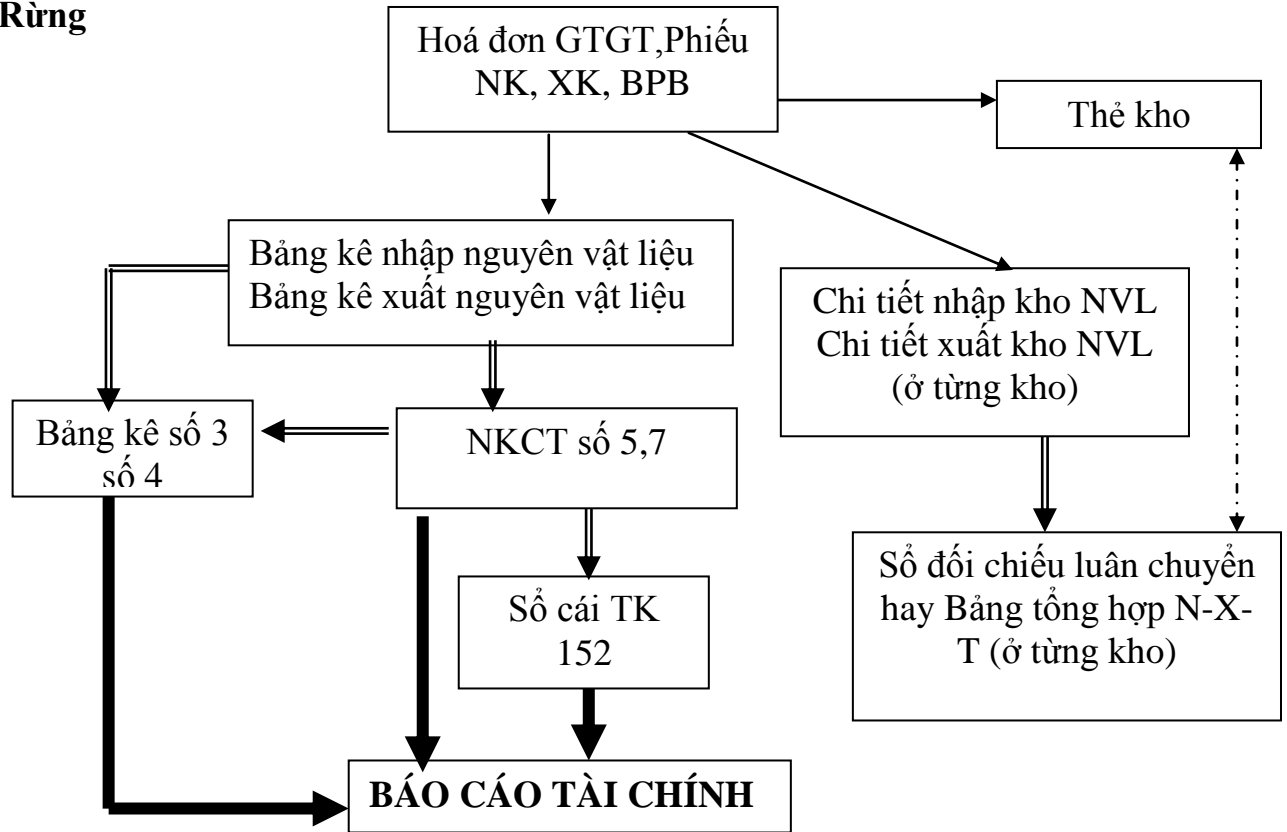
+ Kho xăng dầu, hoá chất: Dầu diegen, gas, oxy, sơn.....

- Thứ 2: Công ty đã xây dựng được mức tiêu hao hợp lý tránh lãng phí

- Thứ 3: Công ty giao trách nhiệm cho thủ kho. Thủ kho phải có trách nhiệm quản lý vật tư về mặt số lượng và tình hình biến động của từng loại vật tư.

- Thứ 4: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu phải thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm, thứ nguyên vật liệu. Có thể mở nhiều cấp của tài khoản để phản ánh chi tiết ở các mức độ cụ thể khác nhau.

2.2.2 Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng



Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán vật liệu tại Công ty Đóng tàu Phà Rừng

- Hàng ngày, căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, kế toán tiến hành lập Bảng kê nhập nguyên vật liệu, Bảng kê xuất nguyên vật liệu, bảng chi tiết nhập kho, chi tiết xuất kho nguyên vật liệu (ở từng kho)

- Cuối tháng, căn cứ vào bảng chi tiết nhập - xuất kho nguyên vật liệu (ở từng kho) để ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển (ở từng kho), đồng thời căn cứ vào bảng kê nhập - xuất, kế toán lập Nhật ký chứng từ số 5,7; bảng kê số 3,4 . Sau đó tiến hành ghi vào sổ cái TK 152.

- Cuối quý, căn cứ vào bảng kê, NKCT, sổ cái tài khoản, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

2.2.3 Tính giá nguyên vật liệu

Để đáp ứng nhu cầu công tác quản lý hạch toán nguyên vật liệu nhằm đảm bảo yêu cầu chân thực thống nhất của số liệu kế toán một cách thuận tiện, công ty đóng tàu Phà Rừng sử dụng giá thực tế để hạch toán nguyên vật liệu nhập kho và dùng phương pháp tính giá bình quân gia quyền cả kỳ để phản ánh trị giá nguyên vật liệu xuất kho.

2.2.3.1 Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên vật liệu của công ty được nhập kho chủ yếu là do mua ngoài. Về nguyên tắc đánh giá vật liệu nhập kho là phải theo đúng giá thực tế. Giá này được xác định theo từng nguồn nhập vật liệu tức là kế toán phải phản ánh đầy đủ chi phí thực tế công ty bỏ ra để có được vật liệu đó. Khi tổ chức kế toán vật tư, do yêu cầu phản ánh chính xác giá trị nguyên vật liệu nên khi nhập kho công ty đã sử dụng giá thực tế.

Trị giá thực tế nguyên vật liệu mua ngoài bao gồm: Giá mua ghi trên hoá đơn, thuế nhập khẩu phải nộp, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu phải nộp (nếu có) và các chi phí thu mua thực tế phát sinh (chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí bao bì, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, chi phí thuê kho bãi, tiền lấp đặt, bảo quản...), số hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có)

- Đối với phế liệu thu hồi nhập kho là các sản phẩm hỏng, giá thực tế nhập kho là giá trị thực tế có thể sử dụng được, giá có thể bán hoặc ước tính.
- Đối với nguyên vật liệu thừa nhập lại kho, trị giá thực tế nhập kho tính theo công thức: Đơn giá xuất kho x Số lượng nguyên vật liệu nhập lại kho
- Công ty áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên giá mua thực tế là giá chưa có thuế GTGT. Thuế GTGT đầu vào khi mua nguyên vật liệu và thuế GTGT đầu vào của dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, bảo quản,... được khấu trừ và hạch toán vào tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ”
- Công ty đóng tàu Phà Rừng không có nguyên vật liệu tự gia công chế biến.

Ví dụ 1 : Theo hoá đơn số GTGT số 0081789 ngày 7/12/2009, công ty đóng tàu Phà Rừng đã mua thép góc L65x65x8 của công ty TNHH Thương mại thép Toàn Thắng với số lượng là 2.015kg trị giá 32.048.575đ chưa bao gồm thuế GTGT 5%.

Hàng được giao tận kho của công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Như vậy giá thực tế nhập kho của vật tư này là 32.048.575đ

Biểu số 2.6: Hoá đơn GTGT số 0081789

Ví dụ 2 : Theo hoá đơn GTGT số 0081831 ngày 15/12/2009, công ty đóng tàu Phà Rừng đã mua thép tấm d10 của công ty TNHH Thương thép Toàn Thắng với số lượng là 6.358,5kg, trị giá là 69.943.500đ chưa bao gồm thuế GTGT 5%. Hàng được bên bán giao tận kho của công ty. Như vậy trị giá thực tế nhập kho của vật tư này là 69.943.500đ.

Biểu số 2.7: Hoá đơn GTGT 0081831

Ví dụ 3 : Theo phiếu nhập số 41 ngày 2/12/2009 nhập lại vật tư thừa 5 cái cắt đen 200A với đơn giá xuất kho 1.436.856đ. Như vậy trị giá thực tế tái nhập của vật tư này là : $5 \times 1.436.856 = 7.184.278đ$.

Biểu số 2.6

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2 : Giao cho khách hàng
Ngày 7 tháng 12 năm 2009

Mẫu số : 01
GTKT – 3LL
AX/2009B
0081789

Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Thương mại thép Toàn Thắng

Địa chỉ : 8/42 Nguyễn Đình Khởi- Phường 4- Quận Tân Bình- Hồ Chí Minh

Số tài khoản :

Điện thoại : MST

0	3	0	1	4	2	4	4	0	4				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Họ và tên người mua hàng: Phạm Văn Nga

Đơn vị : Công ty TNHH 1 thành viên đóng tàu Phà Rừng

Địa chỉ : Minh Đức- Thủy Nguyên- Hải Phòng

Số tài khoản :
Hình thức thanh toán: Chậm trả MST

0	2	0	0	1	5	9	2	7	7				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

STT	Tên vật tư hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
A	B	C	D	E	F
	Thép góc L65x65x8	Kg	2.015	15.905	32.048.575

Cộng tiền hàng: 32.048.575

Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT: 1.602.429

Tổng cộng tiền thanh toán: 33.651.004

Số tiền viết bằng chữ : Ba ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn không trăm linh bốn đồng.

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2 : Giao cho khách hàng
Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Mẫu số : 01
GTKT – 3LL
AX/2009B
0081831

Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Thương mại thép Toàn Thắng

Địa chỉ : 8/42 Nguyễn Đình Khởi- Phường 4- Quận Tân Bình- Hồ Chí Minh

Số tài khoản :

Điện thoại : MST

0	3	0	1	4	2	4	4	0	4				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Họ và tên người mua hàng: Phạm Văn Nga

Đơn vị : Công ty TNHH 1 thành viên đóng tàu Phà Rừng

Địa chỉ : Minh Đức- Thủy Nguyên- Hải Phòng

Số tài khoản :

Hình thức thanh toán: Chậm trả MST

0	2	0	0	1	5	9	2	7	7				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

STT	Tên vật tư hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
A	B	C	D	E	F
	Thép tấm d10	Kg	6.358,5	11.000	69.943.500

Cộng tiền hàng: 69.943.500

Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT: 3.497.175

Tổng cộng tiền thanh toán: 73.440.675

Số tiền viết bằng chữ : Bảy ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn sáu trăm bảy lăm đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3.2 Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho

Tại công ty đóng tàu Phà Rừng, kế toán dùng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng) để phản ánh trị giá thực tế xuất kho của nguyên vật liệu

$$\text{Đơn giá thực tế} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL nhập đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$
$$\text{Trị giá thực tế xuất kho} = \text{Đơn giá thực tế bình quân} \times \text{Số lượng NVL xuất kho}$$

Ví dụ 4 : Ngày 18/12/2009 xuất kho 2100,66kg thép góc L65x65x8 để đóng mới tàu 34000T số 2

Tồn đầu kỳ : Số lượng 14.933kg, trị giá tồn đầu kỳ 206.187.518đ

Nhập trong kỳ : + Ngày 7/12/09: Số lượng 2.015kg, giá trị 32.048.575đ

+ Ngày 25/12/09: Số lượng 10850,8kg, giá trị 141.060.400đ

Vậy đơn giá xuất kho của 1kg thép góc L65x65x8 trong tháng 12 năm 2009 là:

$\frac{206.187.518 + 32.048.575 + 141.060.400}{14933 + 2015 + 10850,8} = 13.644\text{đ/kg}$

Đơn giá này được tính vào cuối tháng và được áp dụng cho tất cả các lần xuất ở trong tháng.

Trị giá thực tế xuất kho của 2.100,66kg thép góc là : 2100,66 x 13.644 = 28.661.405đồng.

Ví dụ 5 : Ngày 2/12/09 xuất kho 3532,5kg thép tấm d10 để sửa chữa tàu Tân Bình
Tồn đầu kỳ : Số lượng 6.784kg, trị giá tồn đầu kỳ 75.466.864đ

Nhập trong kỳ : + Ngày 15/12/2009: Số lượng 6358,5kg, trị giá là 69.943.500đ

Vậy đơn giá xuất kho của 1kg thép tấm d10 trong tháng 12/2009 là:

$\frac{75.466.864 + 69.943.500}{6.784 + 6358,5} = 11.064\text{đ/kg}$
--

Vậy trị giá thực tế xuất kho của 3532,5kg thép tấm d10 là:

$$11.064 \times 3532,5 = 39.083.580 \text{ đồng}$$

2.2.4 Chứng từ kế toán sử dụng trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Tại công ty đóng tàu Phà Rừng, kế toán sử dụng các loại chứng từ sau:

- + Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT)
- + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT)
- + Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá, sản phẩm (Mẫu số 03 - VT)
- + Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hoá, hàng hoá (Mẫu số 05 - VT)
- + Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL)

2.2.5 Thủ tục nhập kho và xuất kho trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

2.2.5.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

- Trước hết, tại đơn vị (Phân xưởng sản xuất, phòng ban) lập tờ trình xin mua vật tư nguyên vật liệu. Phòng kinh doanh trình lên giám đốc ký duyệt. Khi được giám đốc ký duyệt thì phòng kinh doanh xin phiếu báo giá ở một số bạn hàng (người bán) và trình lên giám đốc duyệt giá. Sau khi giám đốc duyệt mức giá phù hợp, phòng kinh doanh sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm về việc ký hợp đồng mua bán.

- Người đi nhận hàng mang hoá đơn GTGT của bên bán vật tư về công ty để xem xét kiểm tra.

- Nguyên vật liệu sau khi mua về được tiến hành kiểm nghiệm chất lượng và lập biên bản kiểm nghiệm với mục đích xác định số lượng, chất lượng trước khi nhập kho làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản. Biên bản kiểm nghiệm nguyên vật liệu được lập thành 2 bản giao cho phòng kinh doanh và phòng kế toán giữ. Nếu nguyên vật liệu không đúng yêu cầu thì lập thêm một liên kèm theo chứng từ có liên quan gửi đến nơi bán để giải quyết.

- Sau khi tiến hành kiểm nghiệm vật liệu, thủ kho xem xét cụ thể số lượng, chủng loại, chất lượng của vật tư ghi trên hoá đơn với số mang về, đối chiếu giữa hoá đơn và biên bản kiểm nghiệm. Nếu trùng khớp thì phòng vật tư lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- + Một liên : Lưu tại phòng vật tư

+ Một liên : Chuyển sang phòng kế toán tài chính

+ Một liên : Giao cho thủ kho

Khi nhập kho thủ kho phải ký vào phiếu nhập để vào thẻ kho. Trên phiếu nhập kho thể hiện cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị nhưng khi vào thẻ kho thủ kho chỉ ghi chỉ tiêu số lượng.

* Khi nhận được chuyển hàng theo hoá đơn GTGT số 0081789 phòng vật tư lập biên bản kiểm nghiệm vật tư

Biểu số 2.8 : Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 420.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT và biên bản kiểm nghiệm vật tư. Phòng vật tư thiết bị tiến hành lập phiếu nhập kho.

Biểu số 2.9 : Phiếu nhập kho số 212

* Khi nhận được chuyển hàng hoá đơn GTGT số 0081831 phòng vật tư lập biên bản kiểm nghiệm vật tư

Biểu số 2.10 : Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 430

Căn cứ vào hoá đơn GTGT và biên bản kiểm nghiệm vật tư, phòng vật tư thiết bị tiến hành lập phiếu nhập kho.

Biểu số 2.11 : Phiếu nhập kho số 464

Biểu số 2.8

Công ty đóng tàu Phà Rừng
Minh Đức- Thủy Nguyên- Hải Phòng

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Hải Phòng, Ngày 7 tháng 12 năm 2009

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ
SỐ 420**

Đơn vị : Công ty đóng tàu Phà Rừng

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0081789 ngày 7 tháng 12 năm 2009 của công ty TNHH thương mại thép Toàn Thắng.

Thành phần tham gia gồm:

1. Ông Nguyễn Văn Long - Chức vụ : Trưởng phòng kỹ thuật sản xuất
2. Ông Lê Bá Nam - Chức vụ : Trưởng phòng vật tư thiết bị
3. Bà Nguyễn Thị Hương - Chức vụ : Thủ kho
4. Bà Ngô Thị Hoa – Chức vụ : Kế toán vật tư

Chúng tôi cùng nhau kiểm nghiệm thực tế vật tư mua ngoài như sau :

STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng hàng hoá	Số lượng thực tập	Chất lượng vật tư
1	Thép góc L65x65x8	Kg	2015	2015	Tốt

Kết quả nghiệm thu : Đều đúng quy cách phẩm chất

Trưởng phòng KTSX

(Ký, họ tên)

Trưởng phòng VT-TB

(Ký, họ tên)

Phòng TC-KT

(Ký, họ tên)

Thủ Kho

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9

PHÀ RỪNG

**PHIẾU NHẬP
KHO**

Ngày 7 tháng 12 năm 2009

Mẫu số : 01 – VT
Theo QĐ: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ
trưởng tài chính

Nợ : Số : 212
Có :

Họ, tên người giao hàng : Vũ Ngọc Việt

Theo: HĐ số 0081789 ngày 7 tháng 12 năm 2009 của công ty TNHH Thương mại
thép Toàn Thắng

Nhập tại kho : Kim khí Địa điểm :

stt	Tên vật tư và quy cách	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép góc L65x65x8		kg	2015	2015	15.905	32.048.575
	Cộng						32.048.575

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Ba hai triệu không trăm bốn tám nghìn năm trăm
bảy lăm đồng.

Số chứng từ kèm theo:

Người lập biểu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10

Công ty đóng tàu Phà Rừng
Minh Đức- Thủy Nguyên- Hải Phòng

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Hải Phòng, Ngày 15 tháng 12 năm 2009

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ
SỐ 430**

Đơn vị : Công ty đóng tàu Phà Rừng

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0081831 ngày 15 tháng 12 năm 2009 của công ty TNHH thương mại thép Toàn Thắng.

Thành phần tham gia gồm:

1. Ông Nguyễn Văn Long - Chức vụ : Trưởng phòng kỹ thuật sản xuất
2. Ông Lê Bá Nam - Chức vụ : Trưởng phòng vật tư thiết bị
3. Bà Nguyễn Thị Hương - Chức vụ : Thủ kho
4. Bà Ngô Thị Hoa – Chức vụ : Kế toán vật tư

Chúng tôi cùng nhau kiểm nghiệm thực tế vật tư mua ngoài như sau :

STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng hàng hoá	Số lượng thực tập	Chất lượng vật tư
1	Thép tấm d10	Kg	6358,5	6358,5	Tốt

Kết quả nghiệm thu : Đều đúng quy cách phẩm chất

Trưởng phòng KTSX

(Ký, họ tên)

Trưởng phòng VT-TB

(Ký, họ tên)

Phòng TC-KT

(Ký, họ tên)

Thủ Kho

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11

PHÀ RỪNG

**PHIẾU NHẬP
KHO**

Ngày 15 tháng 12 năm
2009

Mẫu số : 01 – VT
Theo QĐ: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ
trưởng tài chính

Nợ : Số : 464
Có :

Họ, tên người giao hàng : Vũ Ngọc Việt

Theo: HĐ số 0081831 ngày 15 tháng 12 năm 2009 của công ty TNHH Thương mại
thép Toàn Thắng

Nhập tại kho : Kim khí Địa điểm :

stt	Tên vật tư và quy cách	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép tấm d10		kg	6358,5	6358,5	11.000	69.943.500
	Cộng						69.943.500

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Sáu mươi chín triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn
năm trăm đồng chẵn

Số chứng từ kèm theo:

Người lập biểu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.5.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng được xuất kho chủ yếu nhằm mục đích đóng mới và sửa chữa tàu. Căn cứ để tiến hành thủ tục xuất kho là hạn mức tiêu hao vật tư của tư của từng con tàu ở từng phân xưởng. Hạn mức này do phòng kỹ thuật sản xuất lập, sau đó được chuyển sang phòng vật tư, thiết bị và các phân xưởng. Kế toán tại phân xưởng dựa trên hạn mức vật tư để viết phiếu xuất kho, số lần xuất không hạn chế, nhưng số lượng xuất không vượt quá hạn mức quy định.

Phiếu xuất kho cũng được lập thành 3 liên :

- + Một liên : Lưu tại phân xưởng
- + Một liên : Giao cho thủ kho
- + Một liên : Giao cho phòng kế toán tài chính

Tại công ty đóng tàu Phà Rừng chi phí nguyên liệu sản xuất sản phẩm tập hợp vào tài khoản 621. Ngoài ra công ty còn phát sinh chi phí phục vụ quản lý sản xuất của phân xưởng tập hợp vào tài khoản 627, và chi phí phục vụ quản lý doanh nghiệp tập hợp vào tài khoản 642.

Biểu số 2.12 : Phiếu xuất kho số 142 ngày 2/12/2009

Biểu số 2.13 : Phiếu xuất kho số 967 ngày 18/12/2009

Biểu số 2.12

PHÀ RỪNG

**PHIẾU XUẤT
KHO**

Ngày 2 tháng 12 năm 2009

Mẫu số : 02 – VT
Theo QĐ: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ
trưởng tài chính

Nợ : 621

Số : 142

Có : 152

Họ, tên người nhận hàng : Ông Hiền Địa chỉ: Phân xưởng sửa chữa

Lý do xuất : Sửa chữa tàu Tân Bình

Xuất tại kho : Kim khí Địa điểm :

stt	Tên vật tư và quy cách	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép tấm d10		kg		3532,5		
	Cộng						

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) :

Số chứng từ kèm theo:

Người lập biểu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13

PHÀ RỪNG

**PHIẾU XUẤT
KHO**

Ngày 18 tháng 12 năm
2009

Mẫu số : 02 – VT
Theo QĐ: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ
trưởng BTC

Nợ : 621

Số : 967

Có : 152

Họ, tên người nhận hàng : Ông Lâm Địa chỉ: Phân xưởng đóng mới

Lý do xuất : Đóng mới tàu 34000T số 2

Xuất tại kho : Kim khí Địa điểm :

stt	Tên vật tư và quy cách	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép góc L65x65x8		kg		2100,66		
	Cộng						

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) :

Số chứng từ kèm theo:

Người lập biểu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.6 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng

* Sổ sách sử dụng trong kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty bao gồm thẻ kho, sổ chi tiết nhập kho, xuất kho (ở từng kho), sổ đối chiếu luân chuyển (ở từng kho).

*** Đối với thẻ kho**

Căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thủ kho ghi số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho

- Tại kho : Thủ kho dùng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập-xuất- tồn của từng loại vật tư hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng. Sau khi nhận và kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ nhập, xuất, thủ kho ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho. Cuối ngày tính toán số tồn kho để ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ, gửi chứng từ nhập, chứng từ xuất cho phòng kế toán

- Tại phòng kế toán : Kế toán kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, căn cứ vào chứng từ này để ghi vào sổ kế toán chi tiết

Biểu số 2.14 : Thẻ kho thép góc L65x65x8

Biểu số 2.15: Thẻ kho thép tấm d10

Biểu số 2.16: Thẻ kho cốt đen 200A

*** Đối với sổ chi tiết vật liệu**

Từ những chứng từ nhập - xuất kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp rồi ghi sổ chi tiết vật liệu theo dõi cả về số lượng và giá trị. Trong đó sổ chi tiết xuất kho cột đơn giá và thành tiền đến cuối tháng mới ghi vào.

Biểu số 2.17 : Sổ chi tiết nhập kho kim khí

Biểu số 2.18 : Sổ chi tiết xuất kho kim khí

Cuối tháng, kế toán dựa trên bảng tính Excel để lọc ra những lần nhập, xuất của từng nguyên vật liệu trên sổ chi tiết nhập, xuất nguyên vật liệu theo mã hàng của từng loại nguyên vật liệu đó, để ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển trên từng dòng tương ứng. Ví dụ như mã hàng của thép góc L65x65x8 là 136,022; thép tấm d10 là 144,004. Số liệu trên dòng tổng cộng của sổ đối chiếu luân chuyển không đối chiếu được với số liệu trên dòng cộng phát sinh và số dư cuối kỳ của sổ cái tài khoản 152. Vì sổ đối chiếu luân chuyển ghi cho từng kho.

Biểu số 2.19: Bảng lọc thép tấm d10

Biểu số 2.20 : Sổ đối chiếu luân chuyển kho kim khí

Biểu số 2.14

PHÀ RỪNG

THẺ KHO

Mẫu số S12 –DN

Tháng 12 năm 2009

Ban hành theo QĐ số

Tờ số:.....

15/2006/QĐ- BTC

- Tên vật tư : Thép góc L65x65x8
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số : 136,022
- Tên kho: Kim khí

stt	NT	Số hiệu CT		Diễn Giải	Ngày N -X	Số lượng			Ký của KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu T12				14933	
1	7/12	212		Nhập kho theo HĐ 0081789	7/12	2015		16948	
2	7/12		254	Xuất cho tàu 34000T số 1	7/12		4155,22	12792,78	
....
8	18/12		967	Xuất cho tàu 34000T số 2	18/12		2100,66	6553,53	
....
				Cộng cuối kỳ		12866	12681,39	15117,61	

Thủ kho

Kế toán trưởng

Trích thẻ kho thép góc L65x65x8

Biểu số 2.15

PHÀ RỪNG

THẺ KHO

Mẫu số S12 –DN

Tháng 12 năm 2009

Ban hành theo QĐ số

Tờ số:.....

15/2006/QĐ- BTC

- Tên vật tư : Thép tấm d10
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số : 144,004
- Tên kho: Kim Khí

stt	NT	Số hiệu CT		Diễn Giải	Ngày N -X	Số lượng			Ký của KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu T12				6784	
1	1/12		78	Xuất cho tàu Tiên viên	1/12		248	6536	
2	2/12		142	Xuất cho tàu Tân Bình	2/12		3532,5	3003,5	
3	2/12		143	Xuất cho tàu Tân Bình	2/12		2119,5	884	
4	15/12	464		Nhập kho theo HĐ 0081831	15/12	6358,5		7242,5	
5	15/12	767		Xuất cho tàu Tiên viên	15/12		4945,5	2297	
				Cộng cuối kỳ		6358,5	10845,5	2297	

Thủ kho

Kế toán trưởng

Trích thẻ kho thép tấm d10

Biểu số 2.16

PHÀ RỪNG

THẺ KHO

Tháng 12 năm 2009

Tờ số:.....

Mẫu số S12 –DN

Ban hành theo QĐ số

15/2006/QĐ- BTC

- Tên vật tư : Cút đen 200A
- Đơn vị tính: Cái
- Mã số : 121,012
- Tên kho: Kim khí

stt	NT	Số hiệu CT		Diễn Giải	Ngày N -X	Số lượng			Ký của KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu T12				1379	
1	2/12	41		nhập lại kho	2/12	5		1384	
2	19/12		1187	Xuất cho tàu Mỹ Hưng	19/12		3	1381	
3	21/12		1194	Xuất cho tàu 34000T số 1	21/12		2	1379	
4	21/12		1195	Xuất cho tàu 34000T số 1	21/12		8	1371	
.....	
				Cộng cuối kỳ		5	59	1325	

Thủ kho

Kế toán trưởng

Trích thẻ kho cút đen 200A

Biểu số 2.17

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

CHI TIẾT NHẬP KHO KIM KHÍ

Tháng 12 năm 2009

PN	MH	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
.....	
41	121012	Cút đen 200A	5	1.436.856	7.184.278	Nhập lại
60	143004	Thép tấm D5-6	5386,87	28.612	154.127.461	Nhập lại
60	140003	Thép mỏng 370x13x8M	3063,2	16.752	51.314.959	Nhập lại
60	152013	Thép vuông 100x100	269,8	11.300	3.048.740	Nhập lại
77	135001	Tôn vụn mảnh	8201,75	9.000	73.815.750	Nhập lại
.....	
194	134002	Que hàn D4	6000	18.800	112.800.000	
207	126014	Ống thép đen d89x5-7	168	23.000	3.864.000	
212	136022	Thép góc L65x65x8	2015	15.905	32.048.575	
.....	
464	144004	Thép tấm d10	6358,5	11.000	69.943.500	
466	140019	HP 300x12	40	787.036	31.481.452	
466	140005	Thép mỏng 160x7x8M	1833,6	20134	36.917.673	
466	140010	Thép mỏng HP d200x9	1875	20134	37.388.808	
.....	
		Tổng cộng	5.060.898		96.741.989.527	

Trích sổ chi tiết nhập kho kim khí tháng 12 năm 2009

Biểu số 2.18

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

CHI TIẾT XUẤT KHO KIM KHÍ

Tháng 12 năm 2009

PX	MH	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
.....
78	144004	Thép tấm d10	248	11.064	2.743.872
111	135001	Tôn mảnh vụn	11231,78	9.000	101.086.020
142	144004	Thép tấm d10	3532,5	11.064	39.083.580
.....
254	136022	Thép góc L65x65x8	4155,12	13.644	56.692.457
297	126014	Ống thép đen d89x5-7	44,53	21.329	949.780
.....
967	136002	Thép góc L65x65x8	2100,66	13.644	28.661.405
1017	143004	Thép tấm d5-6	6337,5	25.325	160.497.188
1019	140010	Thép mỏng HPd200x9	3119,76	19.802	61.777.488
1022	140003	Thép mỏng 370x13x8M	2625,6	16.752	43.984.051
1023	135001	Tôn vụn mảnh	634,67	9.000	5.712.030
.....
1187	121012	Cút đen 200A	3	1.436.856	4.310.568
.....
		Tổng cộng	8.057.969		132.958.095.133

Trích sổ chi tiết xuất kho kim khí tháng 12 năm 2009

Biểu số 2.19

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

BẢNG LỘC THÉP TẤM D10 – MH 144004

+ NHẬP

PN	MH	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
464	144004	Thép tấm d10	6358,5	11.000	69.943.500
		Cộng	6358,5		69.943.500

+ XUẤT

PX	MH	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
78	144004	Thép tấm d10	248	11.046	2.739.408
142	144004	Thép tấm d10	3532,5	11.046	39.019.995
143	144004	Thép tấm d10	4945,5	11.046	54.627.993
767	144004	Thép tấm d10	2119,5	11.046	23.411.997
		Cộng	10845,5	11.046	119.994.612

Biểu số 2.20

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

SỔ ĐỐI CHIẾU LUÂN CHUYỂN – KHO KIM KHÍ
Tháng 12 năm 2009

MH	Tên hàng	ĐVT	Đơn giá	Tồn đầu kỳ			Nhập trong kỳ		
				SL	ĐG	Thành tiền	SL	ĐG	Thành tiền
121012	Cút đen 200A	Cái	1.436.856	1379	1.436.856	1.981.423.958	5	1.436.856	7.184.278
126014	Ống thép đen d89x5-7	Kg	21.329	585	20.932	12.249.374	290	22.128	6.426.703
134002	Que hàn d4	Kg	19.867	5390	9.000	112.665.123	6795	19.046	129.417.583
135001	Tôn vụn mảnh	Kg	9.000	(191755)	13.807	(1.725.793.839)	837654	9.000	7.538.886.270
136022	Thép góc L65x65x8	Kg	13.644	14933	16.752	206.187.518	12866	13.455	173.108.975
140003	Thép mỗ 370x13x8m	Kg	16.752	10720	23.351	179.576.390	12077	16.752	202.318.338
140005	Thép mỗ 160x7x8m	Kg	21.191	20509	19.130	478.912.136	53763	20.367	1.094.976.878
140010	Thép mỗ HPd200x9	Kg	19.802	75988	28.612	1.453.666.882	186172	20.076	3.737.616.150
143004	Thép tấm d5-6	Kg	25.325	108	11.124	3.094.998	25885	25.311	655.178.047
144004	Thép tấm d10	Kg	11.064	6784	11.300	75.466.864	6358,5	11.000	69.943.500
152013	Thép vuông 100x100	Kg	11.300	356	271.383	4.025.60	270	11.300	3.048.740
.....	
	Tổng cộng			2571101		444.084.869.906	5060898		96.714.989.527

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Ithành viên đóng tàu Phà Rừng

MH	Tên hàng	ĐVT	Đơn giá	Xuất trong kỳ			Tồn cuối kỳ		
				SL	ĐG	Thành tiền	SL	ĐG	Thành tiền
121012	Cút đen 200A	Cái	1.436.856	59	1.436.856	84.774.504	1325	1.436.856	1.903.833.732
126014	Ống thép đen d89x5-7	Kg	21.329	373	21.329	7.953.371	502,74	21.329	10.722.706
134002	Que hàn d4	Kg	19.867	8140	19.867	161.717.380	4045	19.867	80.365.326
135001	Tôn vụn mảnh	Kg	9.000	645899	9.000	5.813.092.395	0	9.000	0
136022	Thép góc L65x65x8	Kg	13.644	12861,39	13.644	173.022.700	15117,61	13.644	206.273.793
140003	Thép mỗ 370x13x8m	Kg	16.752	12443	16752	208.449.491	10353,6	16.752	173.445.237
140005	Thép mỗ 160x7x8m	Kg	21.191	13293	21.191	281.687.512	60979,75	21.191	1.292.201.502
140010	Thép mỗ HPd200x9	Kg	19.802	19425	19.802	384.660.584	242734,55	19.802	4.806.622.448
143004	Thép tấm d5-6	Kg	25.325	25993	25.325	658.272.855	0	25.325	0
144004	Thép tấm d10	Kg	11.064	10845,5	11.064	119.994.612	2297	11.064	25.415.752
152013	Thép vuông 100x100	Kg	11.300	280	11.300	3.160.045	346,35	11.300	3.913.755
.....	
	Tổng cộng			8057969		132.958.095.133	22713945		407.868.764.300

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trích sổ đối chiếu luân chuyển- kho kim khí tháng 12 năm 2009

2.2.7 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng

2.2.7.1 Phương pháp kế toán sử dụng

Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên : Kế toán phải ghi chép thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hoá trên các tài khoản kế toán sử dụng.

Việc xác định giá vốn thực tế của vật tư, hàng hoá được tính căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

2.2.7.2 Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán tổng hợp vật liệu ở công ty sử dụng những tài khoản sau: TK 1111, TK 112, TK 152, TK 133, TK 331, TK 621

Để phản ánh số hiện có và tình hình biến động nguyên vật liệu, kế toán sử dụng tài khoản 152

2.2.7.3 Trình tự hạch toán của kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

*** Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu Công ty đóng tàu Phà Rừng được nhập chủ yếu từ mua ngoài. Kế toán tổng hợp vật liệu ngoài việc phản ánh giá mua thực tế còn phản ánh chi phí mua thực tế vật liệu để phản ánh chính xác, đầy đủ giá mua thực tế của vật liệu. Tuy nhiên, Công ty đóng tàu Phà Rừng vật tư mua về thường được giao tận kho của công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua hàng.

Công ty thường sử dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Hình thức này giúp cho việc thanh toán được tiến hành dễ dàng và nhanh chóng, tránh được những lầm lẫn sai sót như hình thức thanh toán bằng tiền mặt. Bên cạnh đó, công ty cũng dùng hình thức thanh toán trả chậm đối với những khách hàng quen, để giúp việc luân chuyển tiền được dễ dàng.

Từ các phiếu nhập kho, kế toán ghi vào bảng kê nhập nguyên vật liệu trong tháng để theo dõi. Cuối tháng tổng hợp số liệu ở bảng kê nhập để ghi vào nhật ký chứng từ số 5 và bảng kê số 3.

Biểu số 2.21

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức - Thủy Nguyễn - Hải Phòng

BẢNG KÊ NHẬP NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2009

Nhà CC	STT	Số phiếu	Tổng tiền thực tế	TK1331	TK152	TK153
.....
117	157	212	33.651.004	1.602.429	32.048.575	
1	158	415	6.221.250	296.250	5.925.000	
31	159	262	31.264.821	1.488.801	29.776.020	
.....
156	178	401+402	343.140.000	16.340.000	251.200.000	75.600.000
156	179	389	118.321.560	5.634.360	112.687.200	
117	180	464	73.440.675	3.497.175	69.943.500	
.....
	Tổng cộng		178.123.159.571	6.838.017.275	175.552.038.663	106.036.500

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trích bảng kê nhập nguyên vật liệu tháng 12 năm 2009

Biểu số 2.22

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức - Thủy Nguyễn - Hải Phòng

BẢNG LỘC NHÀ CUNG CẤP- NCC 117

Nhà CC	STT	Số phiếu	Tổng tiền thực tế	TK1331	TK152	TK153
117	157	212	33.651.004	1.602.429	32.048.575	
117	180	464	73.440.675	3.497.175	69.943.500	
117	273	521	512.044.023	24.383.048	487.660.975	
117	286	474	97.179.219		97.174.219	
117	299	520	12.545.048	597.383	11.947.665	
....
CỘNG			2.560.275.547	65.375.909	2.494.899.636	0

Trích bảng lục nhà cung cấp 117

Biểu số 2.23

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5

Tháng 12 năm 2009

TT	Tên người bán	Số dư đầu tháng		Ghi có TK 331, ghi nợ các TK			
		Nợ	Có	TK152	TK153	Cộng có TK331

117	Công ty TNHH TM thép Toàn Thắng		14,286,779,284	2,494,899,636			2,847,048,786
118	Đại lý ga Thăng Long		1,361,173,573	325,078,750			357,480,925
119	Công ty TNHH sơn Jotun Việt Nam		1,098,840,936	1,583,136,663			1,741,450,328
120	Công ty TNHH Sigma Yung Chi Coatings		4,319,345,262	2,544,636,439	75,600,000		2,882,260,081
121	Công ty cổ phần ACQUY tia sáng		11,727,100	1,377,000			1,514,700
122	Công ty TNHH thương mại Duy Thịnh		26,776,050	11,675,000			12,258,750

	Cộng	270,768,955,228	627,673,783,868	175,552,038,663	106,036,500	277,789,557,916

TT	Tên người bán	Ghi nợ TK331, ghi có các TK				Số dư cuối tháng	
		TK1111	TK1121	Cộng nợ TK331	Nợ	Có
			
117	Công ty TNHH TM thép Toàn Thắng		934,114,316		1,934,114,316		15,199,713,754
118	Đại lý ga Thăng Long				548,907,189		1,167,177,309
119	Công ty TNHH sơn Jotun Việt Nam				1,247,125,997		1,593,165,267
120	Công ty TNHH Sigma Yung Chi Coatings	35,000,064			1,940,315,653		5,261,289,690
121	Công ty cổ phần ACQUY tia sáng	12,859,000			12,859,000		1,485,772,709
122	Công ty TNHH thương mại Duy Thịnh	1,260,000			1,260,000		37,774,800
		
	Cộng	3,343,380,904	10,188,781,141	133,719,427,911	200,258,401,779	701,233,360,424

Biểu số 2.24

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức – Thủy Nguyên - Hải Phòng

BẢNG KÊ SỐ 3

Tháng 12 năm 2009

STT	CHỈ TIÊU	TK152- NVL	TK153- CCDC
1	I-Số dư đầu tháng	869.336.648.440	2.035.102.989
2	II-Số phát sinh trong tháng	289.618.980.448	119.452.387
3	Từ nhật ký chứng từ số 1(Ghi có TK1111)		
4	Từ nhật ký chứng từ số 5(Ghi có TK331)	175.552.038.663	106.036.500
5	Từ nhật ký chứng từ số 7 (Ghi có TK621)	106.574.565.198	676.111
6	Từ nhật ký chứng từ số 7 (Ghi có TK627)	6.708.726.003	12.739.776
7	Từ nhật ký chứng từ số 7 (Ghi có TK642)		
8	Từ nhật ký chứng từ số 7 (Ghi có TK154)		
9	Từ nhật ký chứng từ số 7 (Ghi có TK1388)	783.650.584	
10	Từ nhật ký chứng từ số 7 (Ghi có TK3388)		
11	Thuế GTGT nhập khẩu 3333		
12	III- Cộng số dư đầu và phát sinh trong tháng (I + II)	1.158.955.628.888	2.154.555.376
13	V-Xuất dùng trong tháng	417.491.960.431	109.958.563
14	VI- Tồn kho cuối tháng (III+V)	741.463.668.457	2.044.596.814

*** Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu**

Việc xuất dùng vật liệu chủ yếu là do nhu cầu sản xuất và phục vụ sản xuất. Tuy theo mục đích sử dụng, hạch toán tổng hợp xuất vật liệu sẽ phản ánh giá thực tế của vật liệu xuất dùng vào bên có của tài khoản 152 và bên nợ của các tài khoản liên quan như TK621,TK627,TK642 nhưng chủ yếu là tài khoản 621.

Hàng ngày từ các phiếu xuất kho do các phân xưởng đưa lên kế toán lập bảng xuất vật liệu (đối với tài khoản 621,627...) theo dõi cho từng sản phẩm. Cuối tháng, từ bảng xuất vật liệu (đối với tài khoản 621,627...) kế toán lập bảng kê xuất vật liệu (đối với tài khoản 621,627...), đồng thời lập bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Căn cứ vào bảng phân bổ, kế toán lập bảng kê số 4 và nhật ký chứng từ số 7.

Biểu số 2.25 : Bảng xuất vật liệu tài khoản 621

Biểu số 2.26 : Bảng kê xuất vật liệu tài khoản 621

Biểu số 2.27 : Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Biểu số 2.28 : Bảng kê số 4

Biểu số 2.29 : Nhật ký chứng từ số 7

* Cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu từ nhật ký chứng từ số 5, số 7, bảng kê số 3,4 để ghi vào sổ cái tài khoản 152. Cuối quý, số liệu trên sổ cái được ghi vào bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh vào các báo cáo tài chính.

Biểu số 2.30 : Sổ cái tài khoản 152

Biểu số 2.25

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

XUẤT VẬT LIỆU TÀI KHOẢN 621

Tháng 12 năm 2009

STT	SỐ PHIẾU	TÀI KHOẢN	
		152	153
.....
SỬA CHỮA TÀU TÂN BÌNH			
75	1305	222.217	
76	324	65.294.165	
77	142	39.083.580	
78	143	68.105.634	
79	307	674.084	
80	308	4.770.270	
81	1335	58.409	
82	593	1.339.122	
83	594	2.171.374	
.....
CỘNG		206.399.654	0
.....
ĐÓNG MỚI TÀU 34000T SỐ 2			
548	754	2.695.692	
549	755	439.515	
550	756	2.637.090	
551	757	2.519.886	
552	758	849.729	
553	760	2.344.080	
554	966	2.373.381	
555	967	28.661.405	
556	1307	187.500	304.000
.....
CỘNG		12.014.800.122	857.760
.....
TỔNG CỘNG		366.553.523.326	56.105.233

Trích xuất vật liệu tài khoản 621

Biểu số 2.26

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức- Thủy Nguyên- hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT VẬT LIỆU TÀI KHOẢN 621

Tháng 12 năm 2009

STT	NỘI DUNG	TK152	TK153
1	Sửa chữa tàu Hồng Sơn	185.956.371	0
2	Sửa chữa tàu Tiên Viên	1.187.075.544	461.047
3	Sửa chữa tàu Hoa Lư	175.537.094	0
4	Sửa chữa tàu Mỹ Hưng	527.888	0
5	Sửa chữa tàu Nam Định	170.101.439	0
6	Sửa chữa tàu PRIDE	9.622.358	0
7	Sửa chữa tàu Tân Bình	206.399.654	0
8	Sửa chữa tàu VINASHIN 01	14.187.639	0
9	Sửa chữa tàu Vĩnh Thuận	530.727	0
10	Sửa chữa tàu Việt FRACHT	1.426.964.618	1.382.778
11	Sửa chữa tàu XITONA	167.145.240	1.403.204
12	Đóng mới tàu 13000T số1	8.028.980.836	1.306.751
13	Đóng mới tàu 13000T số2	2.572.003.653	0
14	Đóng mới tàu 34000T số1	130.410.926.139	1.784.173
15	Đóng mới tàu 34000T số2	12.014.800.122	857.760

	Tổng cộng	366.553.523.326	56.105.233

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trích bảng kê xuất vật liệu tài khoản 621

Biểu số 2.27

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức- Thủy Nguyên- Hải Phòng

**BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU
CÔNG CỤ DỤNG CỤ
Tháng 12 năm 2009**

STT	Ghi có các tk		Tài khoản 152	Tài khoản 153
	Ghi nợ tk			
1	TK 621		366.553.523.326	56.105.233
2	TK 1388		91.654.128	
3	TK 2412			
4	TK 2413			
5	TK 242		20.466.764	28.668.397
6	TK 211		473.811.900	
7	TK 335			
8	TK 6272		12.335.853.814	
9	TK 6273			25.184.933
10	TK 6422		3.240.447	
11	TK 154			
12	TK 6423			
13	TK 331			
14	TK 632		38.013.410.053	
	Cộng tổng		417.491.960.431	109.958.563

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu số 2.28

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức- Thủy Nguyên- Hải Phòng

BẢNG KÊ SỐ 4

Tháng 12 năm 2009

Có TK	152	153	214	334	338	621	622	627	Các NKCT Khác		Tổng cộng
									NKCTsố1	
Nợ TK											
TK 154						260.034.387.250	7.245.266.604	53.232.110.949			320.511.764.803
TK 621	366.553.523.326	56.105.233									366.609.628.559
TK 622				5.425.978.987	1.819.287.617						7.245.266.604
TK 627	12.335.853.814	25.184.933	5.287.248.423	4.587.522.795	729.514.326	0	0	0	347.739.954		59.953.576.728
+ 6271				4.587.522.795	729.514.326						5.317.037.121
+6272	12.335.853.814										12.335.853.814
+6273		25.184.933									410.673.857
+6274			5.278.248.423								5.278.248.423
+6277									21.583.522.637		36.611.363.513
+6278									400.000		400.000

Người lập

Kế toán trưởng

Trích bảng kê số 4 tháng 12 năm 2009

Biểu số 2.29

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7

Tháng 12 năm 2009

Cố TK Nợ TK	TK152	TK153	TK334	TK621	TK622	TK627	Các NKCT Khác			Tổng cộng CP
								NKCT1	NKCT2VNĐ	...	
TK154				260.034.387.250	7.245.266.604	53.232.110.949					320.511.764.803
TK621	366.553.523.326	56.105.233									366.609.628.559
TK622			5.425.978.987								7.245.266.604
TK627	12.335.853.814	25.184.933	4.587.522.795					347.739.954	5.453.000		59.953.576.728
TK641											0
TK642	3.240.447		2.185.423.285					517.757.807	886.646.456		6.184.586.351
TK335											0
TK1388	91.654.128										91.654.128
TK242	20.466.764	28.668.397									49.135.161
TK211	473.811.900										473.811.900
TK632	38.013.410.053										38.013.410.053
Cộng A	417.491.960.431	109.958.563	12.198.925.067	260.034.387.250	7.245.266.604	53.232.110.949		865.497.761	892.099.456		799.132.834.286
TK152				106.574.565.198		6.708.726.003					113.283.291.201
TK1111											0
TK153				676.111		12.739.776					13.415.887
TK2412											0
Cộng B	0	0	0	106.575.241.309	0	6.721.465.779		0	0		113.296.707.088
Cộng A+B	417.491.960.431	109.958.563	12.198.925.076	366.609.628.559	7.245.266.604	59.953.576.728	865.497.761	892.099.456	...	912.429.541.382

Trích bảng nhật ký số 7

Biểu số 2.30

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức- Thủy Nguyên- Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152

Năm 2009

SỐ DƯ ĐẦU NĂM	
Nợ	Có
372.816.124.307	

Ghi có TK	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng
TK1111					75.313.807
TK1121HH					164.522.221
TK1121PTHP					18.874.175
TK1388		1.950.000	874.978.990	783.650.584	2.770.667.547
TK331		48.279.999.061	347.533.996.521	175.552.038.663	1.432.025.794.399
TK3333					269.641.565
TK3388					74.728.317
TK621		16.272.358.831	27.203.066.320	106.574.565.198	438.055.751.389
TK627		349.654.919	45.571.363	6.708.726.003	7.664.841.221
TK642			484.000		484.000
Cộng PS Nợ		64.903.962.811	375.658.097.194	289.618.980.448	1.881.120.618.746
Cộng PS Có		71.297.016.292	108.171.054.693	417.491.960.431	1.512.473.074.486
Số dư cuối tháng Nợ	601.849.605.945	869.336.648.446	741.463.668.467	741.463.668.467
Số dư cuối tháng Có					

Trích sổ cái tài khoản năm 2009

CHƯƠNG 3 :

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

3.1 Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng

3.1.1 Nhận xét chung

Những biến động của nền kinh tế thị trường, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, bên cạnh những thuận lợi công ty phải đương đầu không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cũng như chủ quan mang lại. Mặc dù vậy, với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của Ban giám đốc công ty, sự năng động sáng tạo, nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

3.1.2 Những thành tựu đạt được

Trải qua hơn 20 năm hoạt động, Công ty đã sửa chữa được gần ngàn lượt tàu trong nước và của các quốc gia danh tiếng trên thế giới như: Liên bang Nga, Đức, Hy Lạp, Hàn Quốc, Singapore... đạt chất lượng cao. Công ty là một trong những đơn vị đi đầu trong việc sửa chữa các loại tàu biển đòi hỏi kỹ thuật cao như tàu chở khí gas hoá lỏng, tàu phục vụ giàn khoan... Công ty Đóng tàu Phà Rừng là một trong những cơ sở hàng đầu của Việt Nam có thương hiệu và uy tín trong lĩnh vực sửa chữa tàu biển.

Những năm gần đây, Công ty bắt đầu tham gia vào thị trường đóng mới. Công ty đã bàn giao cho khách hàng gần chục tàu có trọng tải từ 6500 tấn đến 12500 tấn. Đó là tiền đề để Công ty Đóng tàu Phà Rừng thực hiện các hợp đồng đóng mới các loại tàu có tính năng kỹ thuật cao để xuất khẩu như tàu chở dầu/hoá chất 6500 tấn cho Hàn Quốc, tàu chở hàng vỏ kép 34.000 tấn cho Vương Quốc Anh hiện đang được triển khai tại Công ty. Sản lượng và doanh thu năm 2006 của Công ty cao hơn 10 lần so với năm 2000. Kế hoạch năm 2007 Công ty phấn đấu giá trị tổng sản lượng đạt 1500 tỷ đồng, doanh thu trên 1.000 tỷ đồng.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH 1 thành viên đóng tàu Phà Rừng đã được hướng dẫn của thầy cô giáo cùng sự giúp đỡ tạo điều kiện của Ban giám đốc đặc biệt là các anh chị phòng Tài chính- Kế toán đã giúp em có được thêm kiến thức thực tế, bổ sung những kiến thức được tiếp thu tại giảng đường, có cách nhìn đầy đủ, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và công tác tổ chức hạch toán kế toán nói riêng. Qua tìm hiểu em có những nhận xét như sau:

3.1.2.1 Ưu điểm

Cùng với sự phát triển của công ty, tập thể ban lãnh đạo cũng không ngừng nâng cao chất lượng của công tác quản lý như: áp dụng khoa học kỹ thuật vào nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, đem lại lợi ích tối đa cho công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên toàn công ty và đóng góp 1 phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

*** Về bộ máy kế toán nói chung**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng Tài chính-Kế toán các nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Hơn thế nữa, một yếu tố khác không kém phần quan trọng là trang thiết bị phục vụ cho công tác kế toán khá đầy đủ và hiện đại. Mỗi một nhân viên kế toán được trang bị máy vi tính có nối mạng để dễ chia sẻ và tổng hợp số liệu.

*** Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu**

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp như công ty TNHH 1 thành viên đóng tàu Phà Rừng, bởi nó có ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty, đến sự tồn tại của công

ty trong việc cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy, việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho các công trình sửa chữa, đóng mới. Công tác thu mua nguyên vật liệu luôn được đảm bảo về mặt chất lượng, số lượng, đáp ứng ngay khi có yêu cầu, góp phần đảm bảo tiến độ theo hợp đồng, công ty có hệ thống gồm 6 kho để bảo quản, lưu trữ nguyên vật liệu.

*** Về chứng từ sổ sách kế toán áp dụng**

+ Chứng từ kế toán :

Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu mua hàng, bán hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương liên tục.

+ Về hệ thống tài khoản sử dụng

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán mở tài khoản cấp hai của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

+ Về tổ chức sổ sách kế toán

Hình thức Nhật ký- chứng từ phù hợp với doanh nghiệp có quy mô sản xuất kinh doanh lớn, đặc điểm sản xuất kinh doanh đa dạng số lượng chứng từ sổ sách theo dõi cũng khá nhiều.

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đều đúng theo mẫu của bộ tài chính mới ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ tài chính với đầy đủ các yếu tố cần thiết. Các chứng từ được phân loại rõ ràng theo hệ thống, việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng, kịp thời.

*** Về phương thức thanh toán**

Do hoạt động của công ty là sửa chữa và đóng mới. Công ty đã sử dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Hình thức này giúp cho việc thanh toán được được tiến hành dễ dàng và nhanh chóng, tránh được những lầm lẫn sai sót như hình thức thanh toán bằng tiền mặt. Bên cạnh đó, công ty cũng dùng hình thức thanh toán trả chậm đối với những khách hàng quen, để giúp việc luân chuyển tiền được dễ dàng.

*** Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu**

+ Công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Phương pháp này đã giúp công ty quản lý, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu, chính xác, kịp thời là một lựa chọn đúng đắn của công ty.

+ Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại công ty được tính toán chi tiết cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu, nên việc cung cấp nguyên vật liệu cho từng công trình được thực hiện rất nhanh chóng khi có yêu cầu.

+ Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty áp dụng phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển, phù hợp với đặc điểm nguyên vật liệu phong phú, đa dạng. Kế toán nguyên vật liệu có thể theo dõi chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu, việc quản lý nguyên vật liệu của công ty đạt hiệu quả cao.

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại công ty đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của công ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ cho sửa chữa và đóng mới tại các công trình giúp các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo tối đa hoá lợi nhuận cho công ty.

3.1.2.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán còn tồn tại những hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ từ

đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp hoàn thiện hơn nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định cụ thể về hoạt động quản lý và sử dụng nguyên vật liệu. Cụ thể:

*** Kế toán tài chính**

+ Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh của công ty, do khối lượng sổ sách nhiều lại làm kế toán Excel trên máy vi tính nên cuối quý hay mỗi kỳ kế toán nhiệm vụ của kế toán tổng hợp là khá nhiều. Vì hoàn thành đúng tiến độ nên dễ dẫn tới sai sót.

+ Về hình thức kế toán

Hình thức sổ kế toán mà công ty đang áp dụng là Nhật ký – Chứng từ có ưu điểm là đầy đủ và chi tiết. Mặc dù vậy, trong quá trình ghi chép sổ sách thì hình thức sổ Nhật ký- Chứng từ có số lượng sổ sách nhiều gây tốn nhiều thời, khâu đối chiếu số liệu sổ sách cần phải cẩn thận và thận trọng. Việc lưu trữ và kiểm soát chứng từ gặp phải nhiều khó khăn, hệ thống sổ sách nhiều đôi khi dẫn đến việc lộn xộn các chứng từ và khó theo dõi.

+ Ứng dụng tin học

Kế toán làm trên máy nhưng không sử dụng phần mềm kế toán, do vậy mất khá nhiều thời gian, đôi khi có thể dẫn tới sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

+ Về việc luân chuyển chứng từ

- Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc lập biểu xuất kho ở công ty chưa kịp thời, nhanh chóng, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng quy định

- Hơn nữa, việc tập hợp luân chuyển chứng từ do không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ nên tình trạng chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa lên phòng Tài chính- Kế toán để xử lý, dẫn đến kỳ sau mới xử lý được gây lên tình trạng công việc quá tải khi chứng từ về cùng một lúc.

- Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng vật tư, thủ kho, phòng Tài chính- Kế toán diễn ra thường xuyên. Tuy nhiên, giữa các bộ phận phòng ban này không có biên bản giao nhận, rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi bị mất

chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý. Công ty có thể lập sổ giao nhận chứng từ theo **biểu số 3.1**.

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng ... năm...

stt	Chứng từ		Nội dung	Nơi nhận CT	Người nhận	Ký tên
	Ngày	Số				

+ Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

- Công ty không mở sổ chi tiết nguyên vật liệu cho từng loại nguyên vật liệu theo đúng mẫu số S10-DN theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ tài chính, mà sổ chi tiết nguyên vật liệu ghi chung cho tất cả nguyên vật liệu theo từng kho. Do vậy, cuối tháng việc ghi chép tổng hợp số liệu nhập- xuất- tồn của từng loại nguyên vật liệu lên sổ đối chiếu sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Biểu số 3.2: Mẫu sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ S10-DN theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

- Sổ đối chiếu luân chuyển ghi theo từng kho cho nên không đối chiếu được với số liệu trên dòng cộng phát sinh và số dư cuối kỳ của sổ cái tài khoản 152.

Biểu số 3.2

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ

Năm:.....

Tài khoản:.....Tên kho:.....

Tên, quy cách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:.....

Đơn vị tính:.....

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	ĐG	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=4*1	6	7=6*1	8
		Số dư đầu kỳ									
		Cộng tháng									

*** Kế toán quản trị**

+ Trong công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu

Công ty vẫn chưa xây dựng được định mức dự trữ nguyên vật liệu thường dùng để đảm bảo cho hoạt động sửa chữa, đóng mới không bị ngừng trệ.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH 1 thành viên đóng tàu Phà Rừng

3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

+ Nguyên tắc nhất quán: Nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán

+ Nguyên tắc giá gốc: Quy định nguyên vật liệu phải được tính theo giá gốc

+ Nguyên tắc thận trọng: Nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần cẩn trọng trong từng bước.

3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện

Hoàn thiện kế toán trong công ty là việc hết sức quan trọng và cần thiết để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện được các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung.

- Phải đảm bảo tôn trọng cơ chế tài chính tuân thủ các chế độ chính sách, thể lệ kế toán do nhà nước ban hành với chế độ kế toán đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được chất lượng cao nhất với chi phí thấp nhất.

- Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp bởi vì mục tiêu của hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.2.3 Nội dung hoàn thiện

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán nguyên vật liệu đã làm được tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu giữa lý luận với thực tiễn, em xin đề xuất 1 số ý kiến. Theo em công ty cần có những biện pháp khắc phục những hạn chế trên để làm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

*** Kế toán tài chính**

+ Kiến nghị 1: Tổ chức bộ máy kế toán

Vì khối lượng sổ sách và công việc khá nhiều, công ty chỉ có một kế toán tổng hợp kiêm trưởng phòng, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy để công việc của kế toán tổng hợp vào cuối mỗi kỳ được giảm bớt như vậy sẽ tránh được những sai sót và hoàn thành đúng tiến độ.

+ Kiến nghị 2: Về hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ là một trong những hình thức kế toán phải theo dõi nhiều loại sổ sách, bảng biểu công kênh. Kế toán sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi sổ sách, đồng thời phải có nhiều nhân viên kế toán để xử lý số liệu kế toán phát sinh trong kỳ. Chính vì vậy, chính vì vậy công ty nên áp dụng hình thức kế toán trên máy vì tính áp dụng hệ thống sổ sách theo hình thức nhật ký chung, điều đó sẽ làm cho bộ máy của công ty gọn nhẹ hơn, việc hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh đơn giản hơn, kế toán thuận tiện trong việc theo dõi công tác kế toán của mình.

+ Kiến nghị 3: Ứng dụng tin học vào công tác kế toán

Hiện nay, công ty đóng tàu Phà Rừng có ứng dụng công nghệ tin học vào công tác kế toán nhưng chỉ là một phần rất nhỏ trong tài nguyên của máy tính như chương trình tin học văn phòng cơ bản Words và Excel. Trên thực tế thì hàng ngày tại công ty các nghiệp vụ kinh tế phát sinh diễn ra rất nhiều, đòi hỏi nhân viên kế toán phải theo dõi rất nhiều chứng từ nên nếu chỉ sử dụng chương trình tin học văn phòng thì việc theo dõi công tác kế toán sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, công ty có thể sử dụng một phần mềm kế toán được lập trình sẵn, phù hợp với mục đích sử dụng của công ty. Giúp cho công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng sẽ được thực hiện dễ dàng hơn, theo dõi được thuận tiện, đẩy nhanh tiến độ làm việc, xử lý thông tin kịp thời, cung cấp nhanh và bộ máy kế toán bớt công kênh hơn.

Trên thị trường các công ty công nghệ thông tin đang xây dựng rất nhiều các phần mềm kế toán áp dụng theo nhiều hình thức kế toán khác nhau. Vì vậy, công ty cũng nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với công tác kế toán của mình như phần mềm kế toán INNOVA6.8 của công ty cổ phần SIS Việt Nam, ACMAN của công ty cổ phần phát triển phần mềm ACMAN....sao cho phần mềm kế toán ấy tiện ích, dễ sử dụng, mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp cho kế toán viên thu thập và lưu trữ được sổ sách chứng từ tốt hơn, đặc biệt giúp cho các nhà quản trị tiện trong việc theo dõi các thông tin kinh tế một cách kịp thời, chính xác.

+ Kiến nghị 4 : Hoàn thiện về luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho đến phòng Tài chính- Kế toán để xử lý chứng từ chậm chễ gây rất khó khăn ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên kế toán phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ nhất định trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định các phòng ban, kho phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng Tài chính- Kế toán xử lý chứng từ đó nhanh chóng nhất.

Công ty lên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu xảy ra tình trạng mất chứng từ cũng để quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Ví dụ : Tình hình nguyên vật liệu trong tháng 12 tại kho kim khí của công ty như sau:

Khi nhập-xuất kho nguyên vật liệu, thủ kho tiến hành viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, đồng thời chuyển cho phòng kế toán. Khi giao các chứng từ này cho kế toán nguyên vật liệu, kế toán viên phải ký vào sổ giao nhận chứng từ của công ty theo biểu số 3.3.

Biểu số 3.3

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng 12 năm 2009

stt	Chứng từ		Nội dung	Nơi nhận chứng từ	Người nhận	Ký tên
	Ngày	Số				
	
	1/12	PX 78	Xuất thép tấm d10	TC -KT	Ngô Thị Hoa	
	2/12	PN 41	Nhập lại kho Cút đen 200A	TC-KT	Ngô Thị Hoa	
	2/12	PX 142	Xuất thép tấm d10	TC-KT	Ngô Thị Hoa	
	2/12	PX 143	Xuất thép tấm d10	TC-KT	Ngô Thị Hoa	
	
	7/12	PN 212	Nhập kho thép góc L65x65x8	TC-KT	Ngô Thị Hoa	
	7/12	PX 254	Xuất kho thép góc L65x65x8	TC-KT	Ngô Thị Hoa	
	
	15/12	PN 464	Nhập kho thép tấm d10	TC-KT	Ngô Thị Hoa	
	
	15/12	PN 767	Nhập kho thép tấm d10	TC-KT	Ngô Thị Hoa	
	
	18/12	PX 967	Xuất kho thép góc L65x65x8	TC-KT	Ngô Thị Hoa	
	
	19/12	PX1187	Xuất kho Cút đen 200A	TC-KT	Ngô Thị Hoa	
	
	21/12	PX1194	Xuất kho Cút đen 200A	TC-KT	Ngô Thị Hoa	
	

+ Kiến nghị 5 : Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Công ty nên mở đúng mẫu sổ chi tiết nguyên vật liệu cho từng loại nguyên vật liệu. Như vậy sẽ dễ dàng cho việc theo dõi tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu. Đồng thời việc ghi chép tổng hợp số liệu cho từng loại nguyên vật liệu lên sổ đối chiếu luân chuyển sẽ được thuận tiện và nhanh hơn.

Ví dụ : Về tình hình nhập- xuất của từng loại nguyên vật liệu tại kho kim khí tháng 12 năm 2009 có mẫu như sau:

Biểu số 3.4 : Sổ chi tiết thép tấm d10

Biểu số 3.5 : Sổ chi tiết thép góc L65x65x8

Biểu số 3.6 : Sổ chi tiết Cút đen 200A

Do công ty mở sổ đối chiếu luân chuyển ghi cho từng kho lên không đối chiếu và kiểm tra được với sổ cái tài khoản 152. Công ty nên mở thêm một bảng tổng hợp để tổng hợp số liệu của tất cả các sổ đối chiếu luân chuyển ghi cho từng kho lại. Như vậy, thì việc kiểm tra đối chiếu với sổ cái sẽ được dễ dàng.

Biểu số 3.7 : Sổ đối chiếu luân chuyển kho kim khí

Biểu số 3.8 : Bảng tổng hợp

Biểu số 3.4

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ

Năm: 2009

Tài khoản: 152 Tên kho: kim khí

Tên, quy cách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: thép tấm d10

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	ĐG	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=4*1	6	7=6*1	8
		<u>TÒN ĐẦU THÁNG 12</u>							6784	75.466.864	
PX 78	1/12	Xuất cho tàu Tiên Viên	621	11.064			248	2.743.872	6536	72.722.992	
PX 142	2/12	Xuất cho tàu Tân Bình	621	11.064			3532,5	39.083.580	3003,5	33.639.412	
PX 143	2/12	Xuất cho tàu Tân Bình	621	11.064			2119,5	23.450.148	884	10.189.264	
PN 464	15/12	Nhập kho theo HD0081831	331	11.000	6358,5	69.943.500			7242,5	80.132.764	
PX 767	15/12	Xuất cho tàu Tiên Viên	621	11.064			4945,5	54.717.012	2297	25.415.752	
		CỘNG PHÁT SINH			6358,5	69.943.500	10845,5	119.994.612			
		<u>TÒN CUỐI THÁNG 12</u>							2297	25.415.572	

Biểu số 3.5

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ

Năm: 2009

Tài khoản: 152 Tên kho: kim khí

Tên, quy cách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: thép góc L65x65x8

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	ĐG	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=4*1	6	7=6*1	8
		<u>TÒN ĐẦU THÁNG 12</u>							14.933	206.187.518	
PN 212	7/12	Nhập kho theo HĐ 0081789	331	15.905	2015	32.048.575			16948	238.236.093	
PX 254	7/12	Xuất cho tàu 34000T số 1	621	13.644			4155,22	56.693.821	12972,78	181.542.272	
.....	
PX 967	18/12	Xuất cho tàu 34000T số 2	621	13.644			2100,66	28.661.405	6553.53	89.416.363	
....	
		CỘNG PHÁT SINH			12866	173.108.975	12861,39	173.022.700			
		<u>TÒN CUỐI THÁNG 12</u>							15117,61	206.273.793	

Trích sổ chi tiết thép góc L65x65x8 tháng 12 năm 2009

Biểu số 3.6

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ

Năm: 2009

Tài khoản: 152 Tên kho: kim khí

Tên, quy cách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Cút đen 200A

Đơn vị tính: Cái

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	ĐG	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=4*1	6	7=6*1	8
		<u>TÒN ĐẦU THÁNG 12</u>							1379	1.981.423.958	
PN 41	2/12	Nhập lại kho	621	1.436.856	5	7.184.278			1384	1.988.608.236	
PX1187	19/12	Xuất cho tàu Mỹ Hưng	621	1.436.856			3	4.310.568	1381	1.984.297.668	
PX1194	21/12	Xuất cho tàu 34000T số1	621	1.436.856			2	2.873.712	1379	1.981.423.956	
PX1195	21/12	Xuất cho tàu 34000T số1	621	1.436.854			8	11.494.848	1371	1.969.929.108	
....	
		CỘNG PHÁT SINH			5	7.184.278	59	84.774.504			
		<u>TÒN CUỐI THÁNG 12</u>							1352	1.903.833.732	

Trích sổ chi tiết Cút đen 200A tháng 12 năm 2009

Biểu số 3.7

CÔNG TY ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

SỔ ĐỐI CHIẾU LUÂN CHUYỂN – KHO KIM KHÍ

Tháng 12 năm 2009

MH	Tên hàng	ĐVT	Đơn giá	Tồn đầu kỳ			Nhập trong kỳ		
				SL	ĐG	Thành tiền	SL	ĐG	Thành tiền
121012	Cút đen 200A	Cái	1.436.856	1379	1.436.856	1.981.423.958	5	1.436.856	7.184.278
126014	Ống thép đen d89x5-7	Kg	21.329	585	20.932	12.249.374	290	22.128	6.426.703
134002	Que hàn d4	Kg	19.867	5390	9.000	112.665.123	6795	19.046	129.417.583
135001	Tôn vụn mảnh	Kg	9.000	(191755)	13.807	(1.725.793.839)	837654	9.000	7.538.886.270
136022	Thép góc L65x65x8	Kg	13.644	14933	16.752	206.187.518	12866	13.455	173.108.975
140003	Thép mỗ 370x13x8m	Kg	16.752	10720	23.351	179.576.390	12077	16.752	202.318.338
140005	Thép mỗ 160x7x8m	Kg	21.191	20509	19.130	478.912.136	53763	20.367	1.094.976.878
140010	Thép mỗ HPd200x9	Kg	19.802	75988	28.612	1.453.666.882	186172	20.076	3.737.616.150
143004	Thép tấm d5-6	Kg	25.325	108	11.124	3.094.998	25885	25.311	655.178.047
144004	Thép tấm d10	Kg	11.064	6784	11.300	75.466.864	6358,5	11.000	69.943.500
152013	Thép vuông 100x100	Kg	11.300	356	271.383	4.025.60	270	11.300	3.048.740
.....	
	Tổng cộng			2571101		444.084.869.906	5060898		96.714.989.527

MH	Tên hàng	ĐVT	Đơn giá	Xuất trong kỳ			Tồn cuối kỳ		
				SL	ĐG	Thành tiền	SL	ĐG	Thành tiền
121012	Cút đen 200A	Cái	1.436.856	59	1.436.856	84.774.504	1325	1.436.856	1.903.833.732
126014	Ống thép đen d89x5-7	Kg	21.329	373	21.329	7.953.371	502,74	21.329	10.722.706
134002	Que hàn d4	Kg	19.867	8140	19.867	161.717.380	4045	19.867	80.365.326
135001	Tôn vụn mảnh	Kg	9.000	645899	9.000	5.813.092.395	0	9.000	0
136022	Thép góc L65x65x8	Kg	13.644	12861,39	13.644	173.022.700	15117,61	13.644	206.273.793
140003	Thép mỗ 370x13x8m	Kg	16.752	12443	16752	208.449.491	10353,6	16.752	173.445.237
140005	Thép mỗ 160x7x8m	Kg	21.191	13293	21.191	281.687.512	60979,75	21.191	1.292.201.502
140010	Thép mỗ HPd200x9	Kg	19.802	19425	19.802	384.660.584	242734,55	19.802	4.806.622.448
143004	Thép tấm d5-6	Kg	25.325	25993	25.325	658.272.855	0	25.325	0
144004	Thép tấm d10	Kg	11.064	10845,5	11.064	119.994.612	2297	11.064	25.415.752
152013	Thép vuông 100x100	Kg	11.300	280	11.300	3.160.045	346,35	11.300	3.913.755
.....	
	Tổng cộng			8057969		132.958.095.133	22713945		407.868.764.300

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trích sổ đối chiếu luân chuyển- kho kim khí tháng 12 năm 2009

Biểu số 3.8

BẢNG TỔNG HỢP

Tháng 12 năm 2009

stt	Tên kho	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	Kho Phụ Tùng	221.573,11	45.701.551.675	16.492	1.286.057.244	42.434	1.637.370.748	195.631,11	45.350.238.171
2	Kho Kim Khí	25.711.016	444.084.869.906	5.060.898	96.741.989.527	8.057.969	132.958.095.133	22.713.945	407.868.764.300
3	Kho Phụ Tùng ĐM	363.490	335.536.089.935	29.067	165.467.729.337	86.572	250.740.053.195	305.985	250.263.766.078
4	Kho Trung Tâm	467.335	12.114.802.826	147.127	2.942.221.785	167.160	2.131.169.645	447.302	12.927.138.374
5	Kho Xăng Dầu- HC	123.623	7.880.350.471	1.780.065	17.444.392.652	1.735.735	14.805.014.064	167.953	10.543.144.037
6	Kho Trung Tâm ĐM	235.353	36.133.786.459	65.727	5.736.590.036	93.995	15.220.257.646	207.085	26.650.118.849
	TỔNG CỘNG	27.122.390,11	869.336.648.446	7.099.376	289.618.980.448	10.183.865	417.491.960.431	24.037.901,11	741.463.668.462

*** Kế toán quản trị**

+ Kiến nghị 1: Công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu

Để quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, công tác thu mua dự trữ nguyên vật liệu không bị động cũng như tình trạng tồn kho gây nhiều ứ đọng, khó khăn về kinh tế thì công ty nên xây dựng định mức dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu, tránh việc dự trữ quá nhiều hay quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó.

Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu cũng như tình hình khả năng của công ty.

+ Định mức giá cho 1 đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh giá cuối cùng của 1 đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp sau khi đã trừ đi mọi khoản chiết khấu:

Định mức giá

$$\begin{array}{l} \text{của 1ĐV} \\ \text{NVL} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{đơn vị} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{chuyên chở} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí nhập} \\ \text{kho, bốc xếp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

+ Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp cho 1 đơn vị sản phẩm phản ánh số lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho 1 đơn vị thành phẩm, có cho phép những hao hụt bình thường:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{NVL trực tiếp cho} \\ \text{1 ĐVSP} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng NVL cần} \\ \text{thiết để sản xuất} \\ \text{1 ĐVSP} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{hụt cho} \\ \text{phép} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức NVL cho} \\ \text{sản phẩm hỏng} \\ \text{(cho phép)} \end{array}$$

Từ đó định mức chi phí nguyên vật liệu của 1 đơn vị sản phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{1 ĐVSP} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức giá} \\ \text{1ĐVSP} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{NVL} \end{array}$$

Giá tiêu chuẩn về vật liệu thường được xác định bởi nhân viên phòng kế hoạch vật tư. Nhân viên cung ứng thường tập hợp giá nguyên vật liệu của các nhà cung cấp khác nhau, để từ đó chọn một nhà cung cấp có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng nguyên vật liệu cũng như giá cả phù hợp.

Lượng tiêu chuẩn về nguyên vật liệu trực tiếp thường được xác định bởi các kỹ sư và giám đốc sản xuất, căn cứ trên tình hình sử dụng thực tế.

Định mức dự trữ sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu vừa đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng cũng như nắm bắt kịp thời các cơ hội trong kinh doanh. Ngoài ra vấn đề nguyên vật liệu sẽ ít bị ứ đọng, số vốn có thể quay vòng cho các loại nguyên vật liệu khác hoặc cho các hoạt động tài chính, đồng thời sử dụng tiết kiệm vốn.

3.2.4 Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu trong công ty

Để các giải pháp đưa ra có tính khả thi đòi hỏi có những điều kiện nhất định. Các điều kiện này phải có từ phía Nhà Nước và doanh nghiệp.

*** Về phía Nhà Nước**

Đây là điều kiện mang tính chất vĩ mô phải được thực hiện một cách đồng bộ từ chính phủ đến cơ quan chức năng có liên quan

+ Tạo dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý thuận lợi như Bộ tài chính cần thông qua và soạn thảo hoàn chỉnh hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam trên cơ sở tham khảo chuẩn mực kế toán quốc tế, rà soát xem xét lại các văn bản có liên quan đến công tác kế toán, tài chính của doanh nghiệp để đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản, hạn chế mức tối đa việc liên tục ban hành văn bản dưới dạng thông tư, nghị định

+ Cần quan tâm đến yếu tố con người, để có đội ngũ kế toán viên có trình độ chuyên môn cao, nhà nước cần có chính sách thích hợp trong đào tạo.

+ Cần tổ chức tốt việc kiểm tra, kiểm soát chất lượng công tác kế toán.

*** Về phía bản thân doanh nghiệp**

Các giải pháp chỉ có thể thực hiện được nếu doanh nghiệp có nhận thức đúng đắn về kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng, có đội ngũ cán bộ quản lý, kế toán đủ năng lực và trình độ chuyên môn, có sự quan tâm đúng mức đến cơ sở vật chất kỹ thuật của bộ phận kế toán. Tất cả các yếu tố này đều liên quan đến một đối tượng trong doanh nghiệp đó là “ con người” doanh nghiệp còn có chính sách phát triển nguồn nhân lực.

KẾT LUẬN

Sau một thời gian thực tập tại công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên đóng tàu Phà Rừng được làm quen với thực tế hạch toán nguyên vật liệu cùng với phần lý thuyết được nghiên cứu em đã học hỏi rất nhiều điều bổ ích để củng cố thêm những kiến thức về lý luận mà em đã được học ở trường. Đồng thời đợt thực tập này cũng giúp em nắm bắt được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu đối với việc quản lý vật liệu và quản lý của công ty thấy được những mặt mạnh cần phát huy và những điểm còn tồn tại để khắc phục nhằm góp phần nhỏ bé hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng. Khóa luận này đã đề xuất những định hướng cơ bản cũng như một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng và công tác kế toán nói chung.

Do trình độ lý luận và thời gian thực tập còn hạn chế, khóa luận mới chỉ đi vào tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu nên không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được các ý kiến đóng góp của cô giáo hướng dẫn, các thầy cô và các bạn để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn Th.s Phạm Thị Nga cùng các cô chú, anh chị trong phòng Tài chính - Kế toán của công ty đóng tàu Phà Rừng đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Nhân

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1)- Hệ thống tài khoản kế toán- NXB tài chính
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2)- Hệ thống tài khoản kế toán- NXB tài chính
3. Thông tư 53/2006/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Bộ tài chính
4. Khoá luận tốt nghiệp các khoá trước
5. Số liệu kế toán nguyên vật liệu của công ty TNHH 1 thành viên đóng tàu Phà Rừng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 : LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	3
1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất	3
1.1.1 Khái niệm nguyên vật liệu.....	3
1.1.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu	3
1.1.3 Vai trò, vị trí của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....	3
1.2 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu	4
1.2.1 Phân loại nguyên vật liệu.....	4
1.2.1.1 Phân loại theo nội dung kinh tế	4
1.2.1.2 Phân loại theo nguồn nhập	5
1.2.1.3 Phân loại theo mục đích công dụng	5
1.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu.....	5
1.2.2.1 Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.....	5
1.2.2.2 Cách xác định giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho	6
1.2.2.3 Cách xác định giá thực tế vật liệu xuất kho.....	7
1.3 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	10
1.3.1 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu	10
1.3.1.1 Yêu cầu quản lý.....	10
1.3.1.2 Nhiệm vụ của kế toán	11
1.3.2 Chứng từ sử dụng.....	11
1.3.3 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	12
1.3.3.1 Phương pháp thẻ song song.....	12
1.3.3.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	13
1.3.3.3 Phương pháp sổ số dư	15
1.3.4 Kế toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	16
1.3.4.1 Kế toán tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	16
1.3.4.2 Kế toán tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	19
1.3.5 Hệ thống sổ sách kế toán nguyên vật liệu.....	20
1.3.5.1 Hình thức sổ Nhật ký chung.....	20
1.3.5.2 Hình thức sổ Nhật ký - Sổ cái	21
1.3.5.3 Hình thức sổ Chứng từ ghi sổ	22

1.3.5.4	Hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ	24
1.3.5.5	Hình thức kế toán trên máy vi tính	26
1.3.6	Vấn đề kiểm kê nguyên vật liệu.....	26
1.3.6.1	Khái niệm	26
1.3.6.2	Phương pháp hạch toán khi kiểm kê.....	27
1.3.6.3	Xử lý kết quả kiểm kê và đánh giá lại nguyên vật liệu	28
1.3.7	Hệ thống báo cáo kế toán nguyên vật liệu.....	31
1.3.7.1	Báo cáo tài chính	31
1.3.7.2	Báo cáo quản trị.....	32
CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH THỰC TẾ VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT		
LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG		33
2.1	Khái quát hoạt động sản xuất kinh doanh công ty đóng tàu Phà Rừng.....	33
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Đóng tàu Phà Rừng.....	33
2.1.2	Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Đóng tàu Phà Rừng.....	34
2.1.3	Những thuận lợi và khó khăn của Công ty Đóng tàu Phà Rừng trong quá trình hoạt động.....	34
2.1.3.1	Thuận lợi:.....	34
2.1.3.2	Khó khăn:	35
2.1.4	Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty Đóng tàu Phà Rừng	36
2.1.5	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Đóng tàu Phà Rừng.....	39
2.1.6	Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Đóng tàu Phà Rừng.	42
2.1.6.1	Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.	42
2.1.6.2	Tổ chức hệ thống chứng từ tại Công ty.	44
2.1.6.3	Tổ chức hệ thống tài khoản và phương pháp kế toán tại Công ty. ..	45
2.1.6.4	Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty.	45
2.2	Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng	47
2.2.1	Đặc điểm phân loại nguyên vật liệu và công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng	47
2.2.1.1	Đặc điểm	47
2.2.1.2	Phân loại nguyên vật liệu	48
2.2.1.3	Công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng ...	48
2.2.2	Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng	49
2.2.3	Tính giá nguyên vật liệu	50
2.2.3.1	Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho.....	50
2.2.3.2	Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.....	54
2.2.4	Chứng từ kế toán sử dụng trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty	55
2.2.5	Thủ tục nhập kho và xuất kho trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty ..	55

2.2.5.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu	55
2.2.5.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu	61
2.2.6 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng	64
2.2.7 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng	73
2.2.7.1 Phương pháp kế toán sử dụng	73
2.2.7.2 Tài khoản kế toán sử dụng	73
2.2.7.3 Trình tự hạch toán của kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	73
CHƯƠNG 3 : PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG	
TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH 1 THÀNH	
VIÊN ĐÓNG TÀU PHÀ RỪNG	85
3.1 Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty đóng tàu Phà Rừng.....	85
3.1.1 Nhận xét chung.....	85
3.1.2 Những thành tựu đạt được.....	85
3.1.2.1 Ưu điểm	86
3.1.2.2 Hạn chế.....	88
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH 1 thành viên đóng tàu Phà Rừng.....	92
3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện	92
3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện.....	92
3.2.3 Nội dung hoàn thiện.....	93
3.2.4 Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu trong công ty	106
KẾT LUẬN	107
TÀI LIỆU THAM KHẢO	108